"Chỉ một số ít người hiếm hoi và phi thường mới có được loại tình yêu thương nhân loại… khiến họ không thể nào nhẫn nại chịu đựng quá nhiều cái ác và sự khổ đau ở khắp nơi, bất kể chúng có quan hệ gì đến cuộc sống của họ hay không. Số ít người đó, được dẫn dắt bởi nỗi khổ đau đồng cảm, sẽ tìm kiếm… một hệ thống xã hội mới mẻ nào đấy nhờ đó cuộc sống có thể trở nên phong phú hơn, đầy ắp niềm vui hơn và ít cái ác hơn mà dẫu có thì cũng có thể ngăn chặn được…"

— BERTRAND RUSSELL, *1919, Proposed Roads to Freedom [Những Con đường đến Tự do]*

CẨM NANG
TƯ DUY ĐẠO ĐỨC

Dựa trên các Khái niệm và Công cụ **Tư duy Phản biện**

THE THINKER'S GUIDE TO **ETHICAL REASONING**
Based on Critical Thinking Concepts & Tools
RICHARD PAUL - LINDA ELDER

HOÀNG NGUYỄN ĐĂNG SƠN - *Chuyển ngữ*
BÙI VĂN NAM SƠN - *Hiệu đính*

FOUNDATION FOR CRITICAL THINKING

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cẩm Nang
TƯ DUY ĐẠO ĐỨC

Dựa trên các Khái niệm và Công cụ
Tư duy Phản biện

**THE THINKER'S GUIDE TO UNDERSTANDING
THE FOUNDATIONS OF ETHICAL REASONING**
Based on Critical Thinking Concepts & Tools

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

HOÀNG NGUYỄN ĐĂNG SƠN - *Chuyển ngữ*
BÙI VĂN NAM SƠN - *Hiệu đính*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN THỊ LIÊN

Biên tập : HỒ CÔNG HOÀI DŨNG
Sửa bản in : VỊNH NGHI
Trình bày : MẠNH HẢI
Bìa : NGỌC KHÔI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38225340 - 38296764 - 38223637 - 38256713 - 38247225 - 38277326
Fax: 84.8.38 222 726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 3.000 cuốn. Khổ 13,5 x 22cm
Tại: Xí nghiệp in FAHASA
774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
XNĐKXB: 2978-2016/CXBIPH/05-205/THTPHCM cấp ngày 07/9/2016
QĐXB số: 1204/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 21/9/2016
ISBN: 978-604-58-5661-1
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2016.

Cẩm Nang

TƯ DUY ĐẠO ĐỨC

Dựa trên các Khái niệm và Công cụ
Tư duy Phản biện

THE THINKER'S GUIDE TO UNDERSTANDING THE FOUNDATIONS OF ETHICAL REASONING

Based on Critical Thinking Concepts & Tools

The Thinker's Guide to Understanding the Foundations of Ethical Reasoning - Cẩm nang Tư duy Đạo đức

Richard Paul - Linda Elder

■

Copyright © 2003, 2005, 2006, 2011 by Foundation for Critical Thinking.
Copyright © 2013 by Richard Paul and Linda Elder.
All rights reserved. *The Thinker's Guide to Understanding the Foundations of Ethical Reasoning, First Edition...*

Bản quyền © 2003, 2005, 2006, 2011 thuộc về Quỹ Tư duy Phản biện.
Bản quyền © 2013 thuộc về tác giả Richard Paul và Linda Elder.
Tất cả các phần đều đã được đăng ký bản quyền. *Cẩm nang Tư duy Đạo đức, bản in lần thứ 1...*

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức, phương tiện truyền tải nào: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
Ấn phẩm này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Foundation for Critical Thinking, Mỹ và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP. HCM

Paul, Richard

Cẩm nang tư duy đạo đức : dựa trên các khái niệm và công cụ tư duy phản biện / Richard Paul, Linda Elder ; Hoàng Nguyễn Đăng Sơn chuyển ngữ ; Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016

84 tr. ; 22 cm

Nguyên bản : The Thinker's guide to understanding the foundations of ethical reasoning.

ISBN 978-604-58-5661-1

1. Tư tưởng và tư duy. 2. Tư duy phản biện. 3. Phán xét (Đạo đức học). I. Elder, Linda. II. Hoàng Nguyễn Đăng Sơn. III. Bùi Văn Nam Sơn. IV. Ts. V. Ts: The Thinker's guide to understanding the foundations of ethical reasoning.

160 -- ddc 23

P324

ISBN: 978-604-58-5661-1

9 786045 856611

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

Cẩm Nang
TƯ DUY ĐẠO ĐỨC

Dựa trên các Khái niệm và Công cụ Tư duy Phản biện

THE THINKER'S GUIDE TO UNDERSTANDING THE FOUNDATIONS OF ETHICAL REASONING

Based on Critical Thinking Concepts & Tools

HOÀNG NGUYỄN ĐĂNG SƠN - *Chuyển ngữ*
BÙI VĂN NAM SƠN - *Hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

"Chỉ một số ít người hiếm hoi và phi thường mới có được loại tình yêu thương nhân loại...khiến họ không thể nào nhẫn nại chịu đựng quá nhiều cái ác và sự khổ đau ở khắp nơi, bất kể chúng có quan hệ gì đến cuộc sống của họ hay không. Số ít người đó, được dẫn dắt bởi nỗi khổ đau đồng cảm, sẽ tìm kiếm... một hệ thống xã hội mới mẻ nào đấy nhờ đó cuộc sống có thể trở nên phong phú hơn, đầy ắp niềm vui hơn và ít cái ác hơn mà dẫu có thì cũng có thể ngăn chặn được..."

BERTRAND RUSSELL,
1919, Proposed Roads to Freedom
[Những Con đường khả dĩ đến Tự do]

Mục lục

- Lời giới thiệu 9
- Dẫn nhập 11
- Chức năng của đạo đức học và trở ngại chính của nó 14
- Vấn đề của lĩnh vực giả - đạo đức học 24
- Những yếu tố của lập luận đạo đức 38
- Logic của lập luận đạo đức 40
- Ngôn ngữ xét như một hướng dẫn cho lập luận đạo đức 43
- Hai loại câu hỏi đạo đức 54
- Ý nghĩa của các sự kiện và góc nhìn 58
- Các chuẩn trí tuệ để đánh giá lập luận đạo đức 65

- Các năng lực lập luận đạo đức 69
- Các đặc trưng đạo đức cốt lõi 71
- Kết luận 73
- Tuyên ngôn phổ quát về nhân quyền 75

Lời Giới thiệu

Hãy "học cách học"...

"*Apprendre à apprendre*" ("học cách học") là một khẩu hiệu nổi tiếng trong tiếng Pháp và không dễ… dịch, vì động từ "apprendre" trong tiếng Pháp dường như có cả hai nghĩa trong tiếng Anh: "to teach" và "to learn"! Không có sự tách bạch giữa "dạy" và "học", vì vị trí của chúng đôi khi có thể thay thế cho nhau, hay nói ngắn, giữa chúng có một sự "vận động". Sự vận động ấy chính là phương pháp.

Từ khi René Descartes viết quyển *"Các quy tắc hướng dẫn tư duy" (Règles pour la direction de l'esprit)* năm 1628 và *"Luận văn về Phương pháp" (Discours de la Méthode)* năm 1637, khoa học và tư duy khoa học thật sự bước vào thời hiện đại, tức, ta không còn có thể suy nghĩ và làm việc như thể không có… Descartes được nữa! Gần bốn thế kỷ đã trôi qua với biết bao sự cải tiến và tinh vi hóa về phương pháp trên mọi lĩnh vực, nhưng mục tiêu của nó không thay đổi, đúng như Kant đã nói: "Ta không thể học triết học, mà chỉ có thể học cách triết lý" hay như lời của Albert Einstein: "Giá trị của một nền giáo dục (…) không phải là dạy và học được nhiều sự kiện mà là đào luyện cho tinh thần biết tư duy…".

“The Foundation for Critical Thinking” (Quỹ Tư duy Phản biện) là một tổ chức học thuật, cung cấp nhiều “cẩm nang” về tư duy khoa học được biên soạn chặt chẽ, chắt lọc, ngắn gọn và thiết thực, đúc kết nhiều thành tựu về phương pháp trên “mẫu số chung” là khuyến khích tư duy phân tích và phản biện, cùng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học tập và nghiên cứu một cách có thực chất, có chiều sâu và dễ dàng áp dụng vào cuộc sống.

Bộ sách CẨM NANG TƯ DUY này dành cho mọi độc giả, từ học sinh, sinh viên đến các giảng viên, các nhà nghiên cứu, doanh nhân, người đã đi làm cũng như quý phụ huynh… muốn nâng cao năng lực tư duy của mình. Học sinh, sinh viên có thể đọc cẩm nang như tài liệu tham khảo để học tốt các bộ môn; quý phụ huynh có thể sử dụng cẩm nang để vừa nâng cao năng lực tư duy của mình vừa giúp con em mình phát triển các kỹ năng tư duy cần thiết để học tốt; các giảng viên, nhà nghiên cứu có thể sử dụng cẩm nang để xây dựng tốt các chủ đề của mình; người đã đi làm, doanh nhân… có thể áp dụng các kỹ năng, ý tưởng của cẩm nang vào công việc và cuộc sống.

Rất hoan nghênh và biết ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã dịch và xuất bản bộ sách quý này đến bạn đọc Việt Nam.

BÙI VĂN NAM SƠN

DẪN NHẬP

Tại sao lại cần Cẩm nang Tư duy Đạo đức?

Phát triển các năng lực lập luận đạo đức là vô cùng quan trọng - cả cho việc sống một cuộc đời đạo đức và cho việc tạo ra một thế giới đạo đức. Trong cẩm nang nhỏ này, chúng tôi vạch ra các nền tảng cho tư duy và lập luận đạo đức. Mục tiêu của chúng tôi là giới thiệu các công cụ trí tuệ và những hiểu biết cần thiết cho việc lập luận thấu suốt các vấn đề đạo đức và các vấn đề tranh cãi trên phương diện đạo đức theo một cách mang nhiều nhận thức sâu.

Thật không may, hầu hết người ta đều lẫn lộn đạo đức học với lối cư xử dựa theo các qui ước xã hội, các niềm tin tôn giáo và phép tắc, luật lệ. Hầu hết người ta không xem đạo đức học như một lĩnh vực tự trị, một nhóm các khái niệm và nguyên tắc hướng dẫn chúng ta quyết định hành vi nào sẽ có ích hoặc có hại đối với các sinh vật có nhận thức. Hầu hết người ta không nhận ra rằng các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức đều được xác định một cách phổ quát, thông qua những tài liệu như Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên hiệp quốc, và rằng các khái niệm, các nguyên tắc ấy là mang tính liên-văn hóa và liên-tôn giáo. Một người không cần viện đến một niềm tin tôn giáo hay qui ước văn hóa để nhận ra rằng tình trạng nô lệ, sự diệt chủng, tra tấn, phân biệt giới tính, phân biệt chủng tộc, giết người, hành hung, gian trá, lừa lọc và đe dọa, tất thảy đều sai về mặt đạo đức. Bất kỳ khi nào đưa các kết luận đạo đức dựa vào các chuẩn tôn giáo hoặc chuẩn văn hóa, chúng ta đều tách biệt mình với những người giữ những niềm tin tôn giáo hay văn hóa đối nghịch. Vì thế, điều cốt yếu là ta phải sử dụng các khái niệm và các nguyên tắc được chia sẻ chung như những hướng dẫn cho lập luận thấu suốt các vấn đề đạo đức thông thường.

Ta có thể tìm được một dãy rất rộng các khái niệm đạo đức quan trọng bằng cách xét lại các thuật ngữ đang được dùng cho diễn ngôn đạo đức trong ngôn ngữ tự nhiên hàng ngày. Mọi ngôn ngữ nói đều chứa đựng những từ đồng nghĩa với các đặc trưng đạo đức đáng mong ước như tử tế, khoáng đạt, không thiên lệch, trung thực, chân thật, trắc ẩn, chu đáo và chính trực. Chúng cũng chứa đựng hàng trăm nét đặc trưng đạo đức tiêu cực như vị kỷ, tham lam, tự đại, nhẫn tâm, lừa lọc, đạo đức giả, gian xảo, thành kiến, cố chấp, ác ý, hận thù, hung ác, tàn bạo và áp bức. Các nghĩa bản chất của những thuật ngữ này không phụ thuộc vào thần học hay qui ước xã hội. Sống một cuộc đời đạo đức xuất hiện từ sự thật rằng người ta có khả năng hoặc giúp ích hoặc gây hại cho người khác, tức hoặc góp phần hoặc gây tổn hại cho chất lượng sống của người khác.

Ngoài năng lực phân biệt các thuật ngữ thuần túy đạo đức với các thuật ngữ thần học hay thuộc qui ước, việc lập luận đạo đức có kĩ năng sẽ tiền giả định một hệ thống các kĩ năng và đặc trưng trí tuệ cần có giống nhau trong những lĩnh vực khác. Chẳng hạn như, một người phải được đào tạo kĩ năng bẻ nhỏ lập luận thành các bộ phận cấu thành, phải thành thạo trong việc đánh giá lập luận bằng sự rõ ràng, sự đúng đắn, tính liên quan, chiều sâu, chiều rộng và tính hợp logic của nó và phải biết khiêm tốn trí tuệ, bền bỉ trí tuệ và cảm thông trí tuệ.

Cẩm nang nhỏ này không tự động biến bất kỳ ai đó trở thành một con người có đạo đức. Song, cẩm nang sẽ mang lại một nền tảng bản chất, mà nếu không có nó, việc bàn thảo đạo đức sẽ thường kết thúc bằng sự tranh cãi vô vọng hay sự mâu thuẫn và hiểu sai khiến ta nản lòng. Phát triển như một nhà tư duy đạo đức và một con người có nhận thức sâu sắc đòi hỏi phải có thời gian và phải thực hành nhiều. Không ai có thể làm điều đó thay ta được.

Trân trọng,

Linda Elder

RICHARD PAUL
Trung tâm Tư duy Phản biện

LINDA ELDER
Quĩ Tư duy Phản biện

Chức năng của Đạo đức học - và Trở ngại chính của nó

> *"Nếu chỉ có những kẻ xấu ở đâu đó âm thầm làm điều xấu thì ta chỉ cần tách biệt họ ra khỏi những người còn lại và tiêu diệt họ. Nhưng, đường phân chia giữa tốt và xấu lại cắt ngang trái tim của mỗi con người."*
>
> Alexandre Solzhenitsyn,
> *The Gulag Archipelago [Quần đảo Gulag]*

Vai trò riêng của lập luận đạo đức là tô đậm các hành vi thuộc hai loại: những hành vi nâng cao phúc lợi của người khác - đáng được ta tán thưởng - và những hành vi gây hại hay thu giảm phúc lợi của người khác - vì thế đang bị ta phê phán. Phát triển các năng lực tư duy đạo đức là điều cốt yếu, vì con người có khuynh hướng mạnh hướng đến bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm, định kiến, tự biện minh, tự lừa mình. Những khuynh hướng này càng bị làm trầm trọng thêm bởi những ảnh hưởng văn hóa lấy xã hội làm trung tâm rất mạnh vốn đang định hình cuộc sống của ta - nhất là ảnh hưởng của truyền thông đại chúng. Những khuynh hướng đó chỉ có thể được chống lại một cách chủ động bằng việc đào luyện có hệ thống tinh thần công bằng, sự chân thật, chính trực, tự nhận thức và mối quan tâm sâu sắc đến phúc lợi của người khác. Có lẽ, ta không bao giờ có thể loại bỏ hoàn toàn và rốt ráo những khuynh hướng lấy cái Tôi làm trung tâm của mình, song ta có thể chủ động chống lại chúng khi học cách phát triển như những con người có đạo đức.

Cơ sở tối hậu cho đạo đức học thì rất rõ ràng: hành vi con người có các hệ luận đối với phúc lợi của người khác. Chúng ta có khả năng hành động tác động đến người khác theo một cách gia tăng hoặc làm suy giảm chất lượng cuộc sống của họ. Ta có khả năng giúp đỡ hoặc gây tổn hại. Hơn nữa, về mặt lý thuyết, ta có khả năng thấu hiểu khi ta làm điều này hay làm điều kia. Đó là vì ta có năng lực đặt mình vào vị trí của người khác một cách tưởng tượng và nhận ra mình ắt sẽ bị ảnh hưởng đến như thế nào nếu có người cũng cư xử với ta giống như ta cư xử với người khác.

Vì vậy, dù chỉ là chót lưỡi đầu môi, song chí ít thì gần như hầu hết mọi người cũng đều nhất trí một lõi chung của các nguyên tắc đạo đức phổ biến - chẳng hạn, lừa gạt, bóc lột, lạm dụng, gây hại hay trộm cắp người khác đều là trái đạo đức; rằng ai cũng có trách nhiệm đạo đức phải tôn trọng các quyền của người khác, gồm quyền tự do và quyền được sống hạnh phúc, để giúp đỡ những người đang cần giúp đỡ nhất, để tìm kiếm cái tốt chung chứ không chỉ tìm kiếm những khoái lạc vị kỷ, lấy cái Tôi làm trung tâm, để phấn đấu theo một cách nào đó sao cho thế giới trở nên công chính và nhân văn hơn.

Thậm chí, trẻ em cũng có ý niệm nào đó về thế nào là giúp hay làm hại người khác. Thật không may, trẻ em (cũng giống như người lớn) có khuynh hướng ý thức về việc mình bị tổn hại rõ ràng hơn nhiều so với ý thức về việc mình làm tổn hại người khác:

- “Thật không công bằng! Nó có nhiều hơn con!”
- “Chị không cho con món đồ chơi nào!”
- “Nó đánh tớ mà tớ thì chẳng làm gì nó cả. Nó là đứa xấu tính!”
- “Chị ấy đã hứa với con rồi. Giờ thì chị ấy lại không chịu trả búp bê cho con!”
- “Đồ dối trá! Đồ dối trá!”
- “Giờ đến lượt tớ chứ. Lúc nãy đã đến lượt cậu rồi. Thật không công bằng!”

Các quyết định đạo đức đòi hỏi hiểu biết có chiều sâu

Thật không may, chỉ sự nhất trí "chót lưỡi đầu môi" đơn thuần về các nguyên tắc đạo đức thôi sẽ không thực hiện được các mục đích đạo đức quan trọng và cũng không biến đổi thế giới trở nên tốt đẹp hơn. Các nguyên tắc đạo đức chỉ có ý nghĩa khi được thể hiện trong hành vi. Chúng chỉ có sức mạnh khi được hiện thân trong hành động. Song, để biến chúng thành hành động đòi hỏi các kĩ năng trí tuệ cũng như các nhận thức sâu về đạo đức.

Thế giới không tự thể hiện ra với ta bằng các sự việc minh bạch về mặt đạo đức. Ta sống trong một thế giới mà sự tuyên truyền và tự lừa mình đang phổ biến rộng rãi. Các bàn luận công khai và truyền thông đại chúng không phải là các trung tâm trung tính cho các cuộc tranh luận mở. Một lượng tiền khổng lồ đã được chi ra để thuyết phục người ta nhìn các sự kiện trong thế giới theo cách này thay cho cách kia. Hơn nữa, tùy thuộc vào xã hội và văn hóa ta được nuôi dạy, bản thân ta đã được xác định tâm thế trước để nhìn một số người và một số quốc gia là đứng về phe thiện còn số người khác và quốc gia khác là thuộc về phe ác. Nhìn chung, con người thường xem mình thuộc về phe thiện, còn kẻ thù của mình là thuộc về phe ác.

> ***"Ta phải gạt bỏ thế giới của cái ác."***
>
> ***"Giờ đã đến lúc dứt khoát tách biệt với cái ác."***
>
> ***"Khắp thế giới và qua nhiều năm tháng, chúng ta sẽ chiến đấu chống lại cái ác và ta sẽ chiến thắng."***
>
> ***"Hoặc ủng hộ chúng tôi hoặc chống lại chúng tôi."***
>
> Tổng thống George Bush, 2002

Trong thế giới hàng ngày, điều có đạo đức phải làm đôi khi được nhìn nhận một cách rõ ràng và hiển nhiên trong khi lẽ ra nó phải là một vấn đề tranh cãi, hoặc ngược lại, được xem là một vấn đề tranh cãi trong khi nó đã rõ ràng và hiển nhiên. Một và cùng một hành vi thường sẽ được ca ngợi về mặt đạo đức bởi các nhóm xã hội, tôn giáo hay chính trị đặc thù và bị lên án về mặt đạo đức bởi các nhóm khác.

Qua mẫu điển hình và sự khuyến khích, ta có thể vun bồi những đặc trưng trí tuệ quan trọng. Ta có thể học cách tôn trọng các quyền của người khác, chứ không chỉ tập trung vào việc thỏa mãn các ham muốn của mình. Vấn đề chính không phải là phân biệt thật rạch ròi giữa cái giúp ích và cái gây hại, song khuynh hướng tự nhiên của ta lại gần như tập trung chuyên biệt vào chính bản thân mình và những người có quan hệ gần gũi với mình.

Ta có thể thấy rõ điều này trong hành vi của các nhóm dân tộc, tôn giáo và tộc người. Trên thực tế, chỉ vài nhóm biết đánh giá giá trị cuộc sống và phúc lợi của người khác (dân tộc khác, tôn giáo khác, các nhóm tộc người khác) giống như của chính mình. Chỉ ít người nghĩ về các hệ luận cho các nhóm khác khi nhóm mình theo đuổi tiền bạc, quyền lực, danh vọng và của cải. Kết quả là, chỉ ít người (trong bất kỳ xã hội nào) hành động nhất quán dựa trên các nguyên tắc đạo đức khi ứng xử với "những kẻ bên ngoài". Một chuẩn kép trong việc áp dụng các nguyên tắc đạo đức vào cuộc sống con người hầu như mang tính phổ quát và thường được thực hiện một cách trắng trợn.

Nói ngắn, những người có đạo đức, dù có động cơ mạnh đến đâu để làm những điều đúng đạo đức, chỉ có thể làm được vậy nếu họ biết cái gì là đúng đạo đức. Và họ sẽ không làm được nếu lẫn lộn một cách có hệ thống cảm quan của mình về cái gì là đúng đạo đức với những ham muốn cá nhân tư lợi hay các cấm kị xã hội. Người có động cơ đạo đức phải học nghệ thuật tự phản biện và phản biện xã hội cũng như tự kiểm điểm đạo đức. Họ phải nhận ra những cạm bẫy của phán đoán đạo đức hàng ngày đang lan tràn khắp nơi: bất khoan dung đạo đức, tự lừa mình và tuân phục không phê phán.

Chỉ ít người nghĩ nhiều về khó khăn của việc tìm được những sự kiện có liên quan đến đạo đức về thế giới. Chỉ ít người có kĩ năng trong việc lần ra được những hàm ý của các sự kiện mà họ có. Và chỉ ít người có thể nhận diện những mâu thuẫn đạo đức của bản thân, hoặc phân biệt rõ ràng những ham muốn tư lợi và lấy cái Tôi làm trung tâm của mình với những gì thực sự là đạo đức. Chỉ ít người tư duy sâu về những cảm xúc và phán đoán đạo đức của mình, cột các phán đoán đạo đức ấy lại với nhau thành một góc nhìn đạo đức gắn kết, hoặc làm chủ được những tính phức hợp của lập luận đạo đức. Kết quả là, các phán đoán đạo đức hàng ngày thường là một hỗn hợp tinh vi giữa tính đạo đức đúng thật và giả mạo, giữa nhận thức đạo đức và định kiến đạo đức, giữa chân lý đạo đức và thói đạo đức giả.

Bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm xét như một rào cản cốt lõi cho lập luận đạo đức

Khuynh hướng của con người đánh giá thế giới từ một góc nhìn hạn hẹp, tư lợi là rất mạnh. Xét điển hình, con người rất giỏi tự lừa mình và hợp lý hóa. Chúng ta thường duy trì các niềm tin hoàn toàn ngược lại với bằng chứng. Ta thường thực hiện các hành vi rõ ràng vi phạm các nguyên tắc đạo đức. Hơn nữa, ta cảm thấy hoàn toàn tin tưởng vào sự chính trực của mình.

Nói khác đi, con người phát triển một cách tự nhiên thành những nhà tư duy đầu óc hạn hẹp, tự lấy mình làm trung tâm. Trên một phương diện, điều này hoàn toàn có thể hiểu được. Ta cảm nhận nỗi đau của riêng mình; ta không cảm nhận nỗi đau của người khác. Ta suy tưởng các tư tưởng của riêng mình; ta không suy tưởng các tư tưởng của người khác. Và khi ta trưởng thành, thật không may ta không tự nhiên phát triển năng lực cảm thông với người khác, tức xem xét các góc nhìn xung đột với góc nhìn của riêng ta. Hệ quả là, ta thường không thể lập luận từ một góc nhìn đạo đức đích thực.

Tuy nhiên, ta vẫn có thể học cách tư duy phản biện thấu suốt các vấn đề đạo đức. Với sự thực hành và sự hướng dẫn có cơ sở, ta có thể sở đắc tâm thế và các kĩ năng cần thiết cho việc phân tích và đánh giá các tình huống từ những góc nhìn đạo đức đối lập.

Ngay tại gốc rễ của mỗi hành vi vô đạo đức gần như đều có một hình thức và mức độ tự lừa mình nào đó. Và ngay tại gốc rễ của mỗi sự tự lừa mình đều có một thiếu sót nào đó trong tư duy. Ví dụ, Hitler tự tin rằng mình đang làm điều đúng khi tiến hành các hành vi quá mức chống lại người Do Thái. Những hành động của ông ta là sản phẩm của những niềm tin sai lầm rằng người Do Thái là thấp kém hơn chủng tộc Arya, và rằng họ là nguyên nhân cho những vấn đề của nước Đức. Trong nước Đức đang quét sạch người Do Thái, ông ta tin mình đang làm những điều vì lợi ích tốt nhất của nước Đức của mình. Vì thế, ông ta xem những hành động của mình là chính đáng về mặt đạo đức. Lập luận cực kỳ sai này đã dẫn đến nhiều tổn thương và đau khổ không thể đếm xuể của con người.

Chúng ta không thể phát triển như những con người có đạo đức nếu ta không sẵn lòng đối mặt với sự thật rằng mỗi người trong chúng ta đều thiên về bản tính vị kỷ, định kiến, tự biện minh cho mình và tự lừa mình, và rằng những khiếm khuyết ấy trong tư duy con người là nguyên nhân cho phần lớn đau khổ của con người. Chỉ sự vun bồi có hệ thống tinh thần công bằng, lòng chân thật, sự chính trực, tự nhận thức và mối quan tâm sâu sắc đến phúc lợi của người khác mới có thể mang lại những nền tảng cho lập luận đạo đức có cơ sở vững chắc.

Lập luận đạo đức đòi hỏi phải làm điều đúng kể cả khi đối mặt với những ham muốn vị kỷ rất mạnh. Thế thì, sống đời đạo đức là phát triển việc kiểm soát những khuynh hướng lấy cái Tôi làm trung tâm bẩm sinh của ta. Chỉ chủ trương sống đời đạo đức thôi là không đủ. Chỉ có khả năng làm điều đúng khi bản thân ta không có gì để mất là chưa đủ. Ta phải sẵn lòng thực hiện trọn vẹn các nghĩa vụ đạo đức của ta dù bất lợi cho những ham muốn vị kỷ và những lợi ích tư lợi.

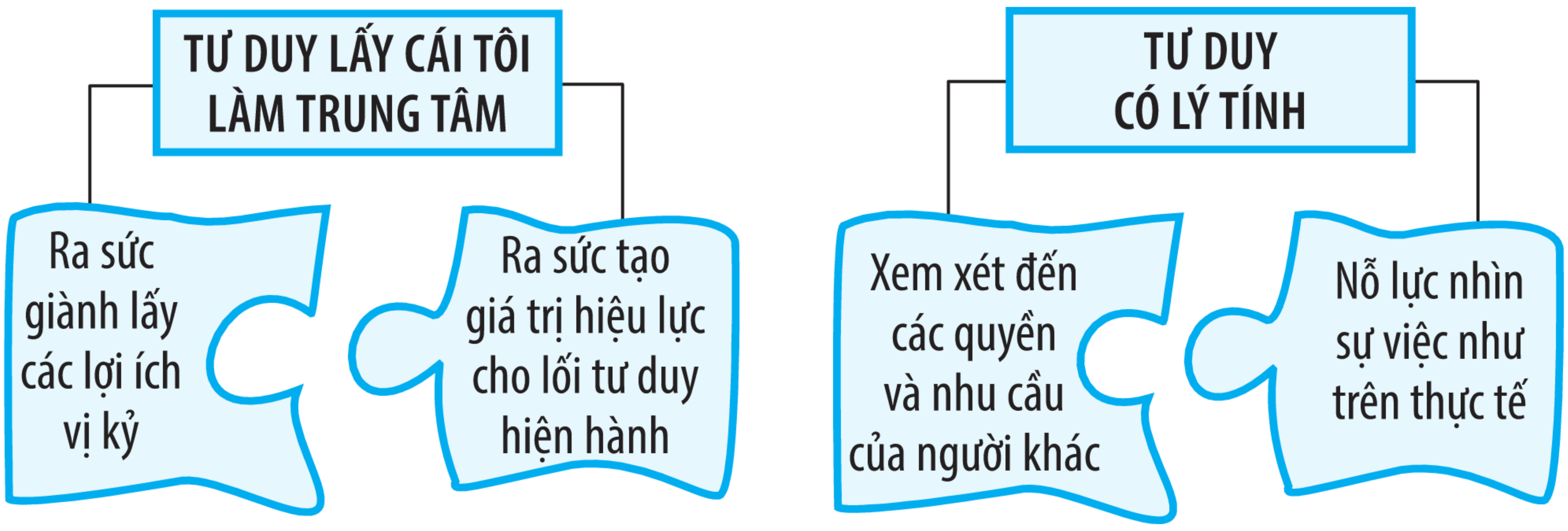
TƯ DUY LẤY CÁI TÔI LÀM TRUNG TÂM
Ra sức giành lấy các lợi ích vị kỷ
Ra sức tạo giá trị hiệu lực cho lối tư duy hiện hành
TƯ DUY CÓ LÝ TÍNH
Xem xét đến các quyền và nhu cầu của người khác
Nỗ lực nhìn sự việc như trên thực tế

Các Tâm thế Bệnh lý Cố hữu trong Tư duy lấy cái Tôi làm Trung tâm

Phần lớn nhận thức đạo đức của ta đến từ một sự nhìn nhận thấu đáo những sự không nhất quán trong hành vi con người - chẳng hạn như nói một đàng làm một nẻo; áp dụng chuẩn này cho mình và chuẩn kia cho người khác. Lập luận đạo đức ngụ ý một sự ý thức về các tâm thế mang tính bệnh lý cố hữu trong tư duy lấy cái Tôi làm trung tâm bẩm sinh. Ta cần nhận diện các khuynh hướng này trong cuộc sống của mình, xác định cái nào trong số đó là nổi bật nhất và cái nào ít nổi bật nhất. Khi bạn hiểu được chúng, hãy tự hỏi xem bạn có nhận thấy chúng như những qui trình đang diễn tra trong tâm trí mình không (nếu bạn kết luận rằng "tôi thì không!" thì hãy nghĩ lại xem):

- Ký ức lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên muốn "quên" bằng chứng không ủng hộ tư duy của mình và muốn "nhớ" bằng chứng ủng hộ.
- Tật "cận thị" lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên muốn tư duy theo một cách tuyệt đối bên trong một góc nhìn hoàn toàn hạn hẹp.
- Sự ngay thẳng lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên muốn xem bản thân mình như đang sở hữu "chân lý".

- Thói đạo đức giả lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên muốn làm ngơ những sự không nhất quán rành rành - giữa những điều ta tuyên bố mình tin tưởng và những niềm tin thực tế mà hành vi của ta bao hàm, hoặc giữa các chuẩn ta áp dụng cho mình và các chuẩn ta áp dụng cho người khác.
- Tính đơn giản hóa quá mức lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên muốn làm ngơ những tính phức hợp quan trọng và có thực trong thế giới để ủng hộ cho những quan niệm đơn giản khi sự suy xét về những tính phức hợp đó đòi hỏi ta phải chỉnh lại những niềm tin hay giá trị của mình.
- Tính mù quáng lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên không chú ý đến các sự thật và bằng chứng mâu thuẫn với những niềm tin hay giá trị có lợi cho ta.
- Tính trực tiếp lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên muốn khái quát hóa quá mức những cảm xúc và kinh nghiệm trực tiếp, sao cho khi một hay một vài sự kiện trong cuộc sống của ta có vẻ rất có lợi hoặc không có lợi, tất cả cuộc sống có vẻ có lợi hoặc không có lợi đối với ta.
- Tính phi lý lấy cái Tôi làm trung tâm: khuynh hướng tự nhiên không thể nhận ra khi tư duy của ta có những hệ quả “phi lý”.

3 mẫu Mở rộng Tính cách

(Được trình bày bằng các thuật ngữ chuyên biệt
với mục đích cho tính rõ ràng về mặt lý thuyết
Trên thực tế, còn có các mức độ khác nhau)

Người không phản biện	Người phản biện tư lợi	Người phản biện có tinh thần công bằng
Không quan tâm đến sự phát triển các năng lực trí tuệ	Phát triển các năng lực trí tuệ để phục vụ những lợi ích vị kỷ của mình mà không quan tâm đến các quyền và nhu cầu của người khác	Phát triển các năng lực trí tuệ để phục vụ lợi ích của mình song vẫn tôn trọng các quyền và nhu cầu của người khác
Bị thao túng bởi những người phản biện tư lợi và dễ bị nhồi sọ	Thao túng những người có đầu óc ít phức tạp hơn	Luôn cố gắng hành động ngay thẳng
Kết quả là trở thành nạn nhân hay mù quáng bị dẫn dắt đi trù dập người khác	khiến họ là trở thành những người bị hại (trực tiếp hoặc gián tiếp)	Kết quả là trở thành những người được đối xử một cách hợp lý và công bằng
Có hảo tâm nhưng tự lừa mình	Vô đạo đức, tự cho mình là công chính và tự lừa mình	Có đạo đức, biết cảm thông và công chính

Vấn đề của lĩnh vực giả - đạo đức học

Những lập luận giả - đạo đức học lấy xã hội làm trung tâm

Các nhà tư duy đạo đức có kĩ năng thường xuyên phân biệt đạo đức học với những cái giả mạo của nó, như những lĩnh vực của các qui ước xã hội (tư duy theo qui ước), tôn giáo (tư duy thần học), chính trị (tư duy ý hệ) và pháp luật (tư duy pháp lý). Rất thường xuyên đạo đức học bị lẫn lộn với những phương cách tư duy rất khác nhau đó. Chẳng hạn, những giá trị và cấm kị xã hội có tính xung đột và thay đổi cao lại đối xử như thể chúng là những nguyên tắc đạo đức phổ quát.

Thế nên, các ý hệ tôn giáo, các "qui tắc" xã hội và các bộ luật thường được xem một cách sai lầm là mang tính đạo đức cố hữu. Nếu ta xem hỗn hợp các lĩnh vực này tương đương với đạo đức học phổ quát, thì hệ quả sẽ là, mọi thực hành bên trong bất kỳ hệ thống tôn giáo nào ắt sẽ tất yếu mang tính bắt buộc phương diện đạo đức, mọi qui tắc xã hội đều mang tính cưỡng bách trên phương diện đạo đức, và mọi luật đều chính đáng phương diện đạo đức.

Nếu mọi cái được làm và không được làm mang tính tôn giáo đặc thù đã định nghĩa đạo đức học, hẳn ta không thể phán đoán được bất kỳ thực hành tôn giáo nào – chẳng hạn, việc tra tấn hay thiêu sống người không tín ngưỡng – là vô đạo đức. Cũng như vậy, nếu tư duy đạo đức và tư duy theo qui ước là một và cùng một tư duy, mọi thực hành xã hội bên trong bất kỳ văn hóa nào ắt sẽ nhất thiết là mang tính cưỡng bách phương diện đạo đức – kể cả các qui ước xã hội của Đức Quốc xã. Thế thì hẳn ta sẽ không thể lên án bất kỳ truyền thống, chuẩn mực hay cấm kị xã hội nào từ một quan điểm đạo đức – dù trên thực tế chúng có băng hoại về mặt đạo đức bao nhiêu đi nữa. Hơn nữa, nếu các luật của một quốc gia đã xác định đạo đức học, thì hàm ý sẽ là các chính trị gia và luật gia ắt sẽ được xem là các chuyên gia về đạo đức học và mỗi luật mà họ bịa đặt ra để đưa vào sách hẳn sẽ có địa vị như một chân lý đạo đức.

Thế nên, điều cốt lõi là phải phân biệt đạo đức học với các phương cách tư duy khác vốn thường bị lẫn lộn với đạo đức học. Là nhà tư duy phản biện và một con người tự trị, ta phải duy trì năng lực tự do phê phán các qui ước xã hội, các thực hành tôn giáo, các ý niệm chính trị và các luật đã được chấp nhận chung bằng cách sử dụng các khái niệm đạo đức không được định nghĩa bởi những cái giả mạo đạo đức học ấy. Không ai thiếu năng lực này lại có thể giỏi lập luận đạo đức đích thực được. Ta hãy cùng xem xét những lĩnh vực giả-đạo đức học này kĩ hơn để làm rõ nhận thức đạo đức cốt lõi này.

Đạo đức học và tôn giáo

Lập luận thần học trả lời những câu hỏi siêu hình học như:

> Đâu là nguồn gốc của vạn vật? Có một Thượng đế không? Hay có nhiều hơn một Thượng đế? Nếu có một Thượng đế thì bản tính của Ngài/ Bà là gì? Có các luật được Thượng đế ban hành để hướng dẫn cuộc sống và hành vi con người không? Nếu có, đó là những luật nào? Làm thế nào các luật đó được truyền đến chúng ta? Ta phải làm gì để sống hài hòa với ý chí của thần linh?

Các niềm tin tôn giáo đều biến đổi theo văn hóa

Tính biến đổi của tôn giáo có nguồn gốc từ sự thật rằng các niềm tin thần học về thực chất là các chủ đề tranh cãi. Có vô số cách thức thay thế khác để người ta quan niệm và lý giải bản tính của "tính thiêng liêng". Chẳng hạn, Bách khoa toàn thư Mỹ liệt kê trên 300 hệ thống tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Những phương cách tin tưởng mang tính truyền thống đó được các nhóm xã hội hay văn hóa đi theo thường mang sức mạnh của thói quen và tập quán. Rồi sau đó, chúng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đối với các cá nhân trong một nhóm tôn giáo nhất định, thì có vẻ như, các niềm tin đặc thù của họ là cách DUY NHẤT hay cách HỢP LÝ duy nhất để quan niệm về "thần linh". Họ không thấy được rằng các tín ngưỡng tôn giáo chỉ là một nhóm trong nhiều hệ thống tín ngưỡng tôn giáo có thể có.

Các ví dụ về những Niềm tin Tôn giáo bị lẫn lộn với những Nguyên tắc Đạo đức:

- Những thành viên của các nhóm tôn giáo lớn áp đặt những niềm tin của họ lên những nhóm thiểu số.
- Những thành viên của các nhóm tôn giáo thường hành xử như thể những quan niệm thần học của họ (vốn thực tế là đáng tranh cãi) là hiển nhiên đúng, trong khi khinh thị những người có quan niệm xung đột.
- Những thành viên của các nhóm tôn giáo thường không thấy rằng "tội lỗi" là một khái niệm thần học chứ không phải là một khái niệm đạo đức ("Tội lỗi" được định nghĩa trên phương diện thần học).
- Những tôn giáo khác nhau bảo vệ những quan niệm khác nhau về cái gì được xem là mang tội (nhưng thường muốn những quan niệm của họ được áp đặt lên mọi quan niệm khác như thể nó là một vấn đề đạo đức học).

Các tính ngưỡng tôn giáo, khi ngự trị trong một nhóm người, có xu hướng định hình nhiều, nếu không nói là tất cả, phương diện trong cuộc sống của một người – với các qui tắc, đòi hỏi, cấm kị và nghi lễ. Hầu hết các qui định đó đều không có sức mạnh đạo đức nào tác động vượt ra khỏi các thành viên trong nhóm. Thực tế, tự bản thân chúng là không đúng cũng không sai, mà chỉ đơn giản là đại diện cho những ưu tiên xã hội và những lựa chọn chủ quan trên phương diện văn hóa mà thôi.

Quyền con người của mỗi người cho phép họ chọn lấy định hướng tôn giáo của mình, gồm cả thuyết ngộ đạo hoặc vô thần, nếu họ muốn. Đó là lý do tại sao có một điều khoản (điều 18) trong Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hiệp quốc về quyền thay đổi các tín ngưỡng tôn giáo của một người:

> *“Mỗi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo; quyền này gồm cả sự tự do thay đổi tôn giáo hay niềm tin của họ…”.*

Các niềm tin vào đấng thần linh và tính tâm linh là rất khác nhau, vì thế ắt phải không mang tính cưỡng bách. Không có cách chứng minh dứt khoát nào cho bất kỳ một nhóm niềm tin tôn giáo nào để loại trừ mọi nhóm khác. Vì lý do đó, tự do tôn giáo là một quyền con người. Một người có thể chứng minh một cách khách quan rằng giết người và hành hung là có hại đối với con người, nhưng không thể chứng minh như thế đối với việc không tin vào Thượng đế.

Việc phán đoán đạo đức này chắc chắn phải lấn át niềm tin tôn giáo được thể hiện qua sự thật không thể phủ nhận rằng nhiều người đã và đang bị tra tấn và/ hoặc bị giết hại bởi những người bị lòng nhiệt tình tôn giáo và sự xác tin tôn giáo kích động. Thực ra, sự bức hại tôn giáo là thường thấy trong lịch sử con người. Con người cần viện đến đạo đức học để bảo vệ mình trước sự bất khoan dung và bức hại tôn giáo.

Hãy xem xét ví dụ sau: Nếu một nhóm tôn giáo tin rằng đứa bé trai đầu lòng trong mỗi gia đình phải được hiến sinh, thì mỗi người trong nhóm đó hẳn sẽ nghĩ mình có nghĩa vụ đạo đức phải giết đứa con trai đầu lòng của họ. Các niềm tin tôn giáo của họ ắt sẽ dẫn họ đến hành vi vô đạo đức và khiến họ đánh giá nhẹ bản tính tàn ác trong những hành vi của mình.

Hơn nữa, một xã hội phải bị kết án là vô đạo đức nếu nó chấp nhận các thực hành tôn giáo của nó có bất kỳ hình thức nô lệ, tra tấn, phân biệt giới tính, phân biệt chủng tộc, bức hại, giết hại, hành hung, lừa lọc, dối trá hay đe dọa nào. Hãy nhớ rằng, những hành động tàn bạo thường xảy ra trong các cuộc chiến tranh tôn giáo. Thậm chí cho đến ngày nay, sự bức hại tôn giáo và những hành động tàn bạo có động cơ tôn giáo vẫn là điều thường thấy. Không niềm tin tôn giáo nào như thế có thể biện minh cho những sự vi phạm các quyền cơ bản của con người.

Nói ngắn, các niềm tin tôn giáo không thể vượt trên các nguyên tắc đạo đức. Ta phải trở về với các nguyên tắc đạo đức để bảo vệ mình khỏi những thực hành bất khoan dung và áp bức về mặt tôn giáo.

Đạo đức học và các qui ước xã hội

Tất thảy chúng ta, ngay từ đầu, đã bị qui định về mặt xã hội. Hệ quả là, ta không khởi tạo được năng lực phê phán các chuẩn và cấm kị xã hội. Nếu ta không học cách phê phán các tập tục và cấm kị xã hội đã áp đặt lên ta ngay từ khi sinh ta, thì về bản chất ta sẽ chấp nhận các truyền thống đó là “đúng”.

Hãy xét lịch sử nước Mỹ. Trong hơn 100 năm, hầu hết người Mỹ đều xem chế độ nô lệ là chính đáng và đáng mong ước. Nó là bộ phận của phong tục xã hội. Hơn nữa, xuyên suốt lịch sử, nhiều nhóm người, gồm những người thuộc nhiều sắc tộc và màu da khác nhau, cũng như phụ nữ, trẻ em và các cá nhân khuyết tật, đều là nạn nhân của sự phân biệt đó xét như kết quả của việc qui ước xã hội được xem như một nghĩa vụ đạo đức. Song, mọi thực hành xã hội vi phạm quyền con người đã bị loại bỏ và đang được loại bỏ, bởi những người sáng suốt và nhạy cảm về mặt đạo đức, bất kể các qui ước xã hội nào đang chống đỡ cho các thực hành đó.

Các thực hành khác nhau về mặt xã hội hoặc văn hóa

Đa dạng văn hóa phát xuất từ sự thật rằng có vô số phương cách thay thế khác để các nhóm xã hội thỏa mãn các nhu cầu và ham muốn của mình. Những lối sống truyền thống ấy bên trong một nhóm xã hội hoặc văn hóa mang sức mạnh của thói quen và tập tục. Chúng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ kia. Đối với các cá nhân trong một nhóm nhất định, thì có vẻ như chúng là cách DUY NHẤT hay cách HỢP LÝ duy nhất để hành động. Và các tập tục xã hội đó đôi khi có những hàm ý đạo đức. Các thói quen và tập tục xã hội trả lời cho những câu hỏi như sau:

- Hôn nhân phải diễn ra như thế nào? Ai được phép kết hôn, dưới điều kiện nào và với nghi lễ hay nghi thức nào? Khi đã kết hôn, phái nam phải đóng vai trò gì? Phái nữ phải đóng vai trò gì? Một người kết hôn nhiều người có được không? Li dị có được phép không? Dưới điều kiện nào?
- Ai phải chăm sóc con trẻ? Họ phải dạy trẻ điều gì về cách cư xử đúng và sai? Khi trẻ không cư xử như mong đợi, trẻ phải bị đối xử ra sao?

- Khi nào trẻ được xem là người lớn? Khi nào trẻ được xem là đủ tuổi kết hôn? Họ được phép kết hôn với ai?
- Khi trẻ phát triển các ham muốn sinh lý và xác thịt, trẻ được phép làm những gì? Ai, nếu có, được phép tham gia vào việc thăm dò và khám phá tính dục? Những hành vi tính dục nào được chấp thuận và được xem là lành mạnh? Những hành vi tính dục nào bị xem là lệch lạc hay tội lỗi?
- Đàn ông và phụ nữ phải ăn mặc ra sao? Họ được phép khoe cơ thể ra chốn công cộng ở mức độ nào? Việc khỏa thân phải bị xử lý như thế nào? Những người vi phạm các qui tắc đó phải bị đối xử ra sao?
- Được kiếm bao nhiêu thức ăn và thức ăn phải được chuẩn bị ra sao? Ai chịu trách nhiệm kiếm thức ăn? Ai chịu trách nhiệm chuẩn bị thức ăn? Thức ăn phải được dọn ra như thế nào? Ăn làm sao?
- Xã hội được “phân tầng” (theo cấp độ quyền lực) ra sao? Xã hội được kiểm soát như thế nào? Hệ thống niềm tin nào được dùng để biện minh cho sự phân phối các hàng hóa và dịch vụ khan hiếm, và các nghi lễ và thực hành được tiến hành theo cách nào?
- Nếu xã hội có kẻ thù hay bị đe dọa từ bên ngoài, nó sẽ xử lý mối đe dọa đó như thế nào? Nó sẽ phòng vệ ra sao? Xã hội sẽ tham gia chiến tranh như thế nào hay nó có tham gia không?
- Những loại trò chơi, môn thể thao hay trò giải trí nào sẽ được thực hành trong xã hội? Ai được phép tham gia?
- Các tôn giáo nào được dạy hay được cho phép trong xã hội? Ai được phép thực hành trong các nghi thức tôn giáo để diễn giải các giáo huấn của thần linh hay tâm linh cho nhóm?
- Những bất bình trong xã hội được dàn xếp như thế

nào? Ai quyết định người đúng và người sai? Những kẻ vi phạm sẽ bị đối xử ra sao?

Theo truyền thống, trường học thực hiện chức năng như một người biện hộ cho tư tưởng theo qui ước; những người giảng dạy thường vô ý nuôi dưỡng sự lẫn lộn giữa qui ước và đạo đức học, vì tự bản thân họ đã nhập tâm các qui ước của xã hội. Giáo dục, nếu được gọi đúng như tên của nó, phải nuôi dưỡng các kĩ năng trí tuệ cho phép sinh viên, học sinh phân biệt được các tập tục văn hóa với các châm ngôn đạo đức, các lời răn xã hội với các chân lý đạo đức. Trong mỗi trường hợp, khi các niềm tin và các cấm kị xã hội xung đột với các nguyên tắc đạo đức, thì các nguyên tắc đạo đức phải thắng thế.

Các ví dụ về việc Đạo đức học bị lẫn lộn với các Qui ước Xã hội:

- Nhiều xã hội đang tạo ra những cấm kị chống lại việc khoe ra một phần cơ thể và trừng phạt rất nặng những người vi phạm.
- Nhiều xã hội đang tạo ra những cấm kị phủ nhận việc nữ giới bình quyền với nam giới.
- Nhiều xã hội đang hợp pháp hóa về mặt xã hội những khủng bố tôn giáo.
- Nhiều xã hội đang bêu riếu về mặt xã hội những cuộc hôn nhân liên sắc tộc.

Những thực hành này có vẻ bị xem (một cách sai lầm) là mang tích cưỡng bách về mặt đạo đức đối với những người đã bị xã hội hóa để chấp nhận chúng.

Đạo đức học và các Cấm kị Tính dục

Các cấm kị xã hội thường là vấn đề thuộc về các cảm xúc mạnh. Người ta thường cảm thấy căm ghét khi người khác vi phạm một cấm kị. Sự căm ghét của họ báo hiệu cho họ rằng hành vi đó là vô đạo đức. Họ quên rằng những gì đối với ta là đáng lên án về mặt xã hội có thể lại không vi phạm bất kỳ nguyên tắc đạo đức nào, mà thay vào đó, có thể chúng chỉ đơn giản là khác với các qui ước xã hội. Các học thuyết xã hội về tính dục của con người thường là những minh họa kinh điển cho việc các qui ước tự thể hiện ra như thể chúng là những chân lý đạo đức. Các nhóm xã hội thường xác lập các biện pháp trừng phạt nặng cho hành vi không theo qui ước liên quan đến cơ thể con người. Một số nhóm xã hội lại thực hiện các hình phạt bất công cho những phụ nữ thể hiện quá mức nơi công cộng mà không che đậy hoàn toàn cơ thể, một hành vi được một số văn hóa xem là không đứng đắn và gợi dục. Những hành vi tính dục chỉ nên được xem là vô đạo đức khi chúng dẫn đến sự tổn thương hay thiệt hại rõ ràng, chứ không phải khi chúng chỉ đơn thuần dính dáng đến sự ô nhục hay tội lỗi nào đó về mặt tôn giáo và xã hội. Tượng điêu khắc *David* của Michelangelo có thể là gây sốc một người Thanh giáo, song đó không phải là vì những lý do đạo đức.

Đạo đức học và ý hệ chính trị

Một ý hệ chính trị sẽ mang lại một phân tích về việc phân phối hiện tại về của cải và quyền lực, và đưa ra các chiến lược phù hợp với phân tích đó. Nó hoặc sẽ mang lại một "sự biện minh" hoặc một "sự phê phán" cho cấu trúc quyền lực hiện hành. Nó hoặc sẽ tìm cách bảo vệ và duy trì hoặc sẽ thay đổi nguyên trạng. Nó tìm cách thay đổi mọi việc theo những cách nhỏ hoặc lớn. Nó sẽ so sánh hiện tại với quá khứ và cả hiện tại và quá khứ với tương lai mà nó dự phóng.

Các ý hệ bảo thủ "biện minh" cho nguyên trạng hay tìm kiếm một sự quay trở lại với thời đại "lý tưởng" lúc trước. Các ý hệ tự do phê phán nguyên trạng và tìm cách biện minh cho các hình thức tổ chức chính trị “mới” được thiết kế để sửa chữa các vấn đề hiện hành. Các ý hệ phản động bênh vực cho một sự quay trở lại “triệt để” đến quá khứ; các ý hệ cách mạng ủng hộ một sự lật đổ “triệt để” những cấu trúc nền tảng (“suy đồi”). Các ý hệ bảo thủ xem những giá trị cao nhất là quyền tư hữu, gia đình, Thượng đế và đất nước. Các ý hệ tự do xem những giá trị cao nhất là tự do, bình đẳng và công bằng xã hội.

Những phân tích ý hệ có những hàm ý cần phải được đánh giá về mặt đạo đức. Khi được đưa vào thực tế, chúng thường có những tác động tiêu cực lên sự thịnh vượng của con người.

Hầu như mọi ý hệ chính trị đều phát ngôn nhân danh “con người”. Song, trên thực tế, hầu hết chúng lại cam kết với các nhóm lợi ích tư lợi có quyền lực vốn gây quỹ cho các chiến dịch bầu cử cho chúng. Cũng những người đó thường rốt cục sẽ cai trị một cách độc lập với ý hệ “chính qui”. Vì thế, trong cấu trúc quyền lực hậu - Xô Viết, nhiều người trong số những người có quyền lực trong chính quyền trước đây thì giờ đây lại là những nhà tân-tư bản nổi tiếng và có nhiều của cải nhất.

Điểm mấu chốt là chính trị và đạo đức học là những khái niệm khác nhau. Khi đấu tranh lẫn nhau giành quyền lực và sự kiểm soát, các phong trào và các lợi ích chính trị thường hi sinh các lý tưởng đạo đức cho lợi ích thực tế. Chúng thường hợp lý hóa các hành vi vô đạo đức như những điều tất yếu không thể tránh được (ví dụ, họ làm là vì các đối thủ “ép họ phải làm”). Và chúng sử dụng sự tuyên truyền một cách có hệ thống để giành lấy các nghị trình lợi ích xa hơn.

Đạo đức học và pháp luật

Bất kỳ ai quan tâm phát triển các năng lực lập luận đạo đức của mình đều phải học cách phân biệt đạo đức học với pháp luật. Những điều phạm pháp có thể hoặc không liên quan gì đến đạo đức. Những gì mang tính nghĩa vụ đạo đức cũng có thể là phạm pháp. Những gì vô đạo đức có thể là hợp pháp. Không có sự nối kết bản chất nào giữa đạo đức học và pháp luật.

Các luật thường nảy sinh từ các qui ước và cấm kị xã hội. Và, vì ta không thể xem các qui ước xã hội là đạo đức, nên ta cũng không thể xem các luật của con người là đạo đức. Hơn nữa, hầu hết luật xét cho cùng đều do các chính trị gia tạo ra, mà họ thì thường xuyên lẫn lộn các giá trị xã hội với các nguyên tắc đạo đức. Như chúng tôi đã nói, động cơ chính của họ, trừ trong những trường hợp đặc biệt, là quyền lực, lợi ích vị kỷ, hay động cơ cá nhân. Chẳng hạn, (từ năm 1900 đến 1930), các chính trị gia Mỹ, khi phản ứng trước một khu bầu cử do những tín đồ tôn giáo phái bảo căn thống trị, đã thông qua các luật khiến bất kỳ ai, kể cả bác sĩ, cũng đều bị coi là phạm pháp nếu truyền bá bất kỳ thông tin gì về việc kiểm soát sinh đẻ. Ta có thể đoán được kết quả: hàng trăm ngàn người nghèo và phụ nữ thuộc giai cấp lao động đã phải chịu những vết thương nghiêm trọng hoặc chết vì tác hại của thuốc bất hợp pháp và nạn nạo phá thai thiếu vệ sinh. Biến hành vi đi ngược lại các qui ước xã hội thành “tội” là một trong những cách được kính trọng lâu đời để các chính trị gia được tái đắc cử(1).

---

(1) Nước Mỹ ngày nay có tỷ lệ phần trăm công dân ở tù cao hơn bất kỳ quốc gia nào trên tế giới (gần đây đã vượt qua cả Nga).

Những ví dụ về việc Đạo đức học bị lẫn lộn với Pháp luật:

- Nhiều thực hành tính dục (như đồng tính) đang bị trừng phạt bất công bằng án chung thân hay án tử hình (theo pháp luật của xã hội này hay xã hội khác).
- Nhiều xã hội đang áp đặt những luật bất công dựa trên những quan điểm phân biệt chủng tộc.
- Nhiều xã hội đang áp đặt những luật phân biệt đối xử phụ nữ.
- Nhiều xã hội đang áp đặt những luật biến những niềm tin không phổ biến thành tội.
- Nhiều xã hội đang biến sự tra tấn và/hay sự nô lệ trở thành hợp pháp.
- Nhiều xã hội đang tăng cường các luật tùy tiện trừng phạt người sử dụng thuốc này thay cho thuốc kia.

Những hành vi tự nó-và-vì nó là vô đạo đức

Để bất kỳ hành động nào là vô đạo đức, nó phải cố hữu phủ nhận một số quyền bất khả chuyển nhượng của người hay sinh vật khác. Những loại hành vi dưới đây tự nó-và-vì nó là vô đạo đức. Bất kỳ người hay nhóm nào phạm vào chúng đều bị lên án chính đáng từ một góc nhìn đạo đức.

- NÔ LỆ: Nô dịch con người, hoặc cá nhân hoặc nhóm.
- DIỆT CHỦNG: Giết chóc một cách có hệ thống nhằm tiêu diệt toàn bộ một dân tộc hay một nhóm tộc người.
- KHỦNG BỐ: Tiến hành chiến tranh chống lại dân thường.
- TRA TẤN: Gây ra sự đau đớn tàn khốc để trả thù hay để đạt được thông tin từ một người nào đó.
- PHÂN BIỆT GIỚI TÍNH: Đối xử bất bình đẳng (và gây hại) với người khác vì giới tính của họ.

- PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC: Đối xử bất bình đẳng (và gây hại) với người khác vì chủng tộc hay sắc tộc của họ.
- SÁT NHÂN: Giết người có suy tính để trả thù, vì vui sướng hay để đạt được lợi ích.
- HÀNH HUNG: Tấn công một người vô tội với ý đồ gây tổn hại cơ thể nghiêm trọng.
- HIẾP DÂM: Cưỡng ép một người giao hợp một cách bắt buộc.
- LỪA GẠT: Gian dối có chủ tâm nhằm khiến người khác từ bỏ tài sản hay quyền hạn nào đó.
- DỐI TRÁ: Làm cho điều gì đó trông có vẻ đúng đắn nhưng mình biết là sai để đạt được một mục đích tư lợi gây tổn hại đến người khác.
- ĐE DỌA: Cưỡng ép một người thực hiện hành vi đi ngược lại với lợi ích của họ hay không thực hiện hành vi hợp lợi ích của họ bằng những sự dọa nạt hay bạo lực.
- Bỏ tù người khác mà không cho họ biết họ bị kết tội gì hay cho họ cơ hội hợp lý để tự biện hộ.
- Bỏ tù hay trừng phạt người khác chỉ vì những quan điểm chính trị hay tôn giáo của họ.

Chúng ta phải học cách phân biệt giữa các câu hỏi của đạo đức học, của các qui ước xã hội, của tôn giáo và của pháp luật

Nếu chúng ta đã từng đạt đến một điểm trong sự phát triển con người nơi mà lập luận đạo đức có kĩ năng là chuẩn mực, thì mỗi người trong chúng ta phải vun bồi nơi bản thân năng lực xác định hệ thống niềm tin, thực hành, qui tắc và luật nào là đạo đức. Có kĩ năng lập luận đạo đức nghĩa là phát triển được một lương tâm không qui phục trước các qui ước xã hội hay dao động, các hệ thống thần học hoặc các luật vô đạo đức. Lập luận có cơ sở nhất quán trong bất kỳ lĩnh vực tư tưởng nào cũng tiền giả định việc thực hành lập luận thông qua các trường hợp và các vấn đề tranh cãi trong lĩnh vực đó. Khi đối mặt với những vấn đề trong cuộc sống, ta phải phân biệt đạo đức với phi-đạo đức và giả-đạo đức, và phải áp dụng các nguyên tắc đạo đức thích hợp cho những vấn đề vốn đích thực là những vấn đề đạo đức. Ta càng làm được như thế thường xuyên, ta càng giỏi lập luận đạo đức.

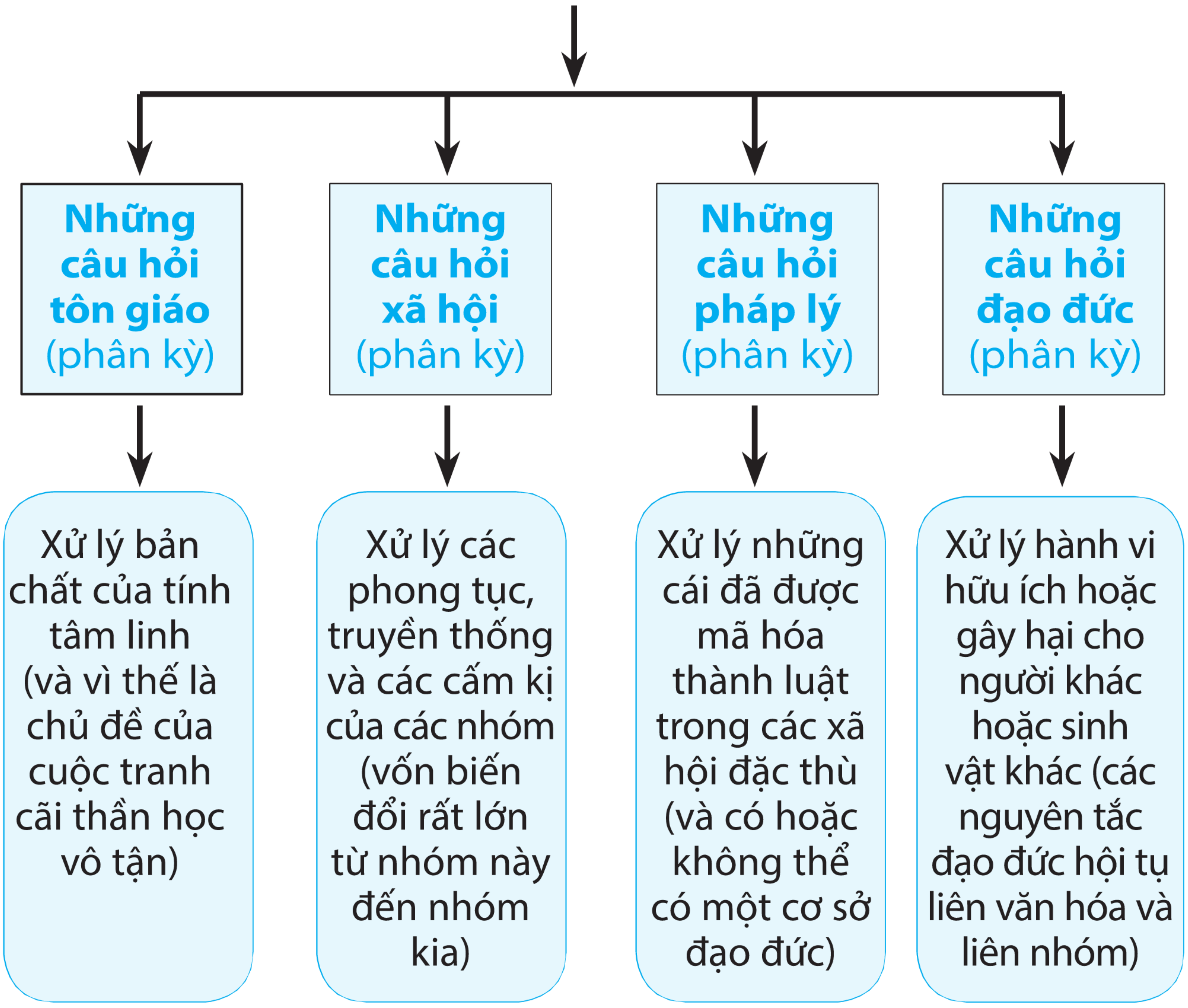

Những câu hỏi tôn giáo (phân kỳ)

Xử lý bản chất của tính tâm linh (và vì thế là chủ đề của cuộc tranh cãi thần học vô tận)

Những câu hỏi xã hội (phân kỳ)

Xử lý các phong tục, truyền thống và các cấm kị của các nhóm (vốn biến đổi rất lớn từ nhóm này đến nhóm kia)

Những câu hỏi pháp lý (phân kỳ)

Xử lý những cái đã được mã hóa thành luật trong các xã hội đặc thù (và có hoặc không thể có một cơ sở đạo đức)

Những câu hỏi đạo đức (phân kỳ)

Xử lý hành vi hữu ích hoặc gây hại cho người khác hoặc sinh vật khác (các nguyên tắc đạo đức hội tụ liên văn hóa và liên nhóm)

Những yếu tố của lập luận đạo đức

Lập luận đạo đức có cùng các cấu trúc cơ bản nằm bên dưới mọi lập luận. Nếu muốn lập luận đạo đức tốt, ta phải học cách nhận diện và đánh giá cách dùng các cấu trúc trí tuệ cơ bản đó trong lập luận đạo đức của mình.

Ý chính: Bất kể khi nào tư duy, ta tư duy vì một mục đích, bên trong một góc nhìn, dựa trên các giả định, dẫn đến các hàm ý và hệ quả. Ta sử dụng các khái niệm, các ý tưởng và các lý thuyết để diễn giải các dữ kiện, các sự kiện và các kinh nghiệm nhằm trả lời các câu hỏi, giải quyết vấn đề và xử lý các vấn đề đang tranh cãi.

Nói khác đi, mọi tư duy sẽ:

- **Làm phát sinh các mục đích**
- **Nêu ra các câu hỏi**
- **Sử dụng các thông tin**
- **Sử dụng các khái niệm**
- **Tạo ra các suy luận**
- **Đưa ra các giả định**
- **Làm phát sinh các hàm ý**
- **Chứa đựng một góc nhìn**

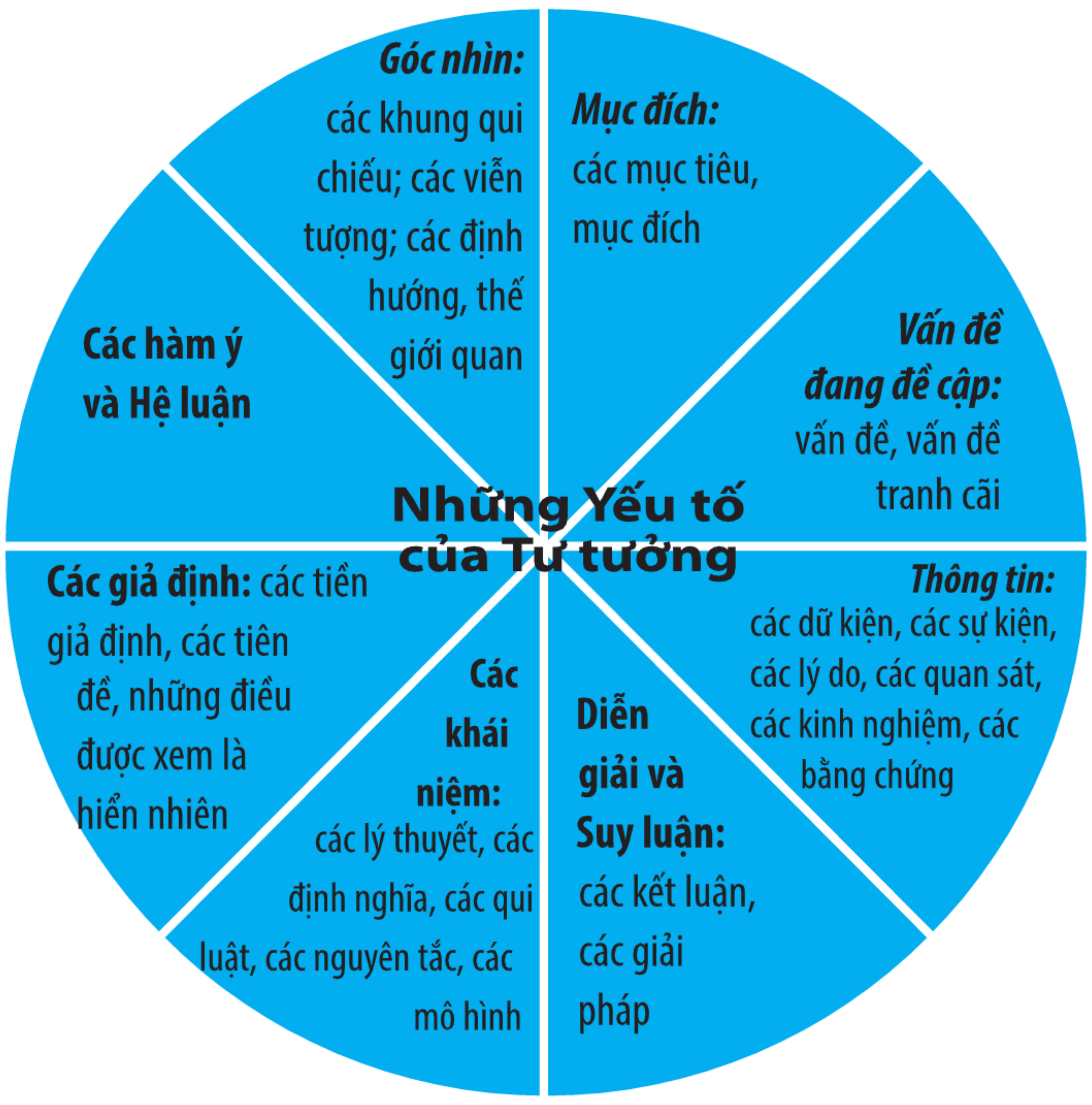
Góc nhìn: các khung qui chiếu; các viễn tượng; các định hướng, thế giới quan
Mục đích: các mục tiêu, mục đích
Vấn đề đang đề cập: vấn đề, vấn đề tranh cãi
Thông tin: các dữ kiện, các sự kiện, các lý do, các quan sát, các kinh nghiệm, các bằng chứng
Diễn giải và Suy luận: các kết luận, các giải pháp
Các khái niệm: các lý thuyết, các định nghĩa, các qui luật, các nguyên tắc, các mô hình
Các giả định: các tiền giả định, các tiên đề, những điều được xem là hiển nhiên
Các hàm ý và Hệ luận
Những Yếu tố của Tư tưởng

Qua việc hiểu các yếu tố này, ta có thể phân tích lập luận đạo đức tốt hơn. Ta có thể tạo ra các câu hỏi đạo đức theo nhiều cách khác nhau để nhận diện câu hỏi đúng với vấn đề nhất. Ta có thể xác định thông tin nào ta cần để giải quyết vấn đề đạo đức. Ta có thể nhận diện các suy luận mình đang đưa ra và xem xét những suy luận và kết luận thay thế khác. Ta có thể vạch ra các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức mình đang sử dụng để lập luận xuyên suốt vấn đề. Ta có thể kiểm tra các giả định của mình trước khi đi đến các kết luận. Ta có thể xác định liệu có cần xem xét nhiều hơn một quan điểm đạo đức. Và ta có thể theo đến cùng các hàm ý đạo đức trong các quyết định của mình.

Logic của Lập luận Đạo đức

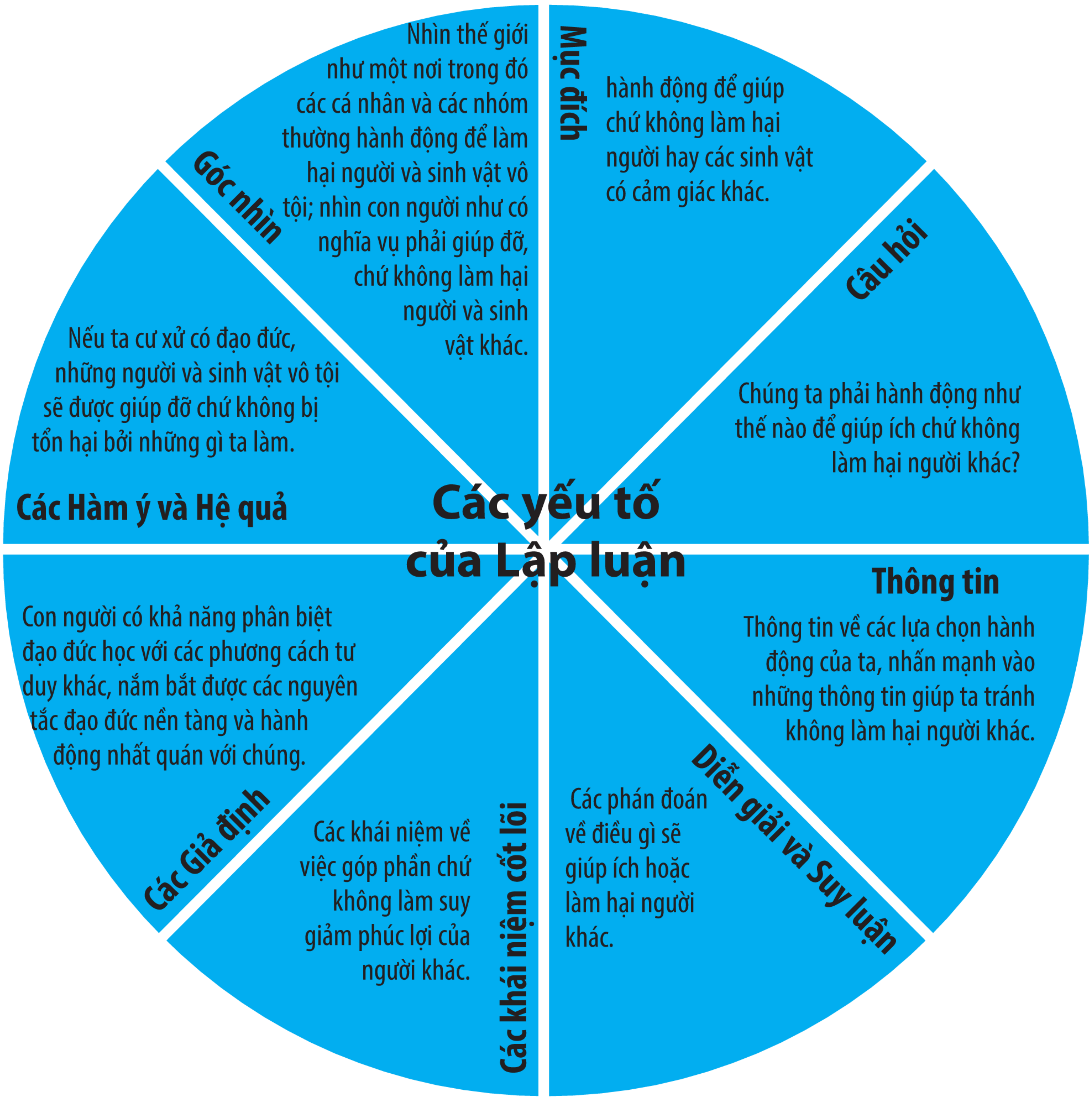

Các yếu tố của Lập luận

Mục đích

hành động để giúp chứ không làm hại người hay các sinh vật có cảm giác khác.

Câu hỏi

Chúng ta phải hành động như thế nào để giúp ích chứ không làm hại người khác?

Thông tin

Thông tin về các lựa chọn hành động của ta, nhấn mạnh vào những thông tin giúp ta tránh không làm hại người khác.

Diễn giải và Suy luận

Các phán đoán về điều gì sẽ giúp ích hoặc làm hại người khác.

Các khái niệm cốt lõi

Các khái niệm về việc góp phần chứ không làm suy giảm phúc lợi của người khác.

Các Giả định

Con người có khả năng phân biệt đạo đức học với các phương cách tư duy khác, nắm bắt được các nguyên tắc đạo đức nền tảng và hành động nhất quán với chúng.

Các Hàm ý và Hệ quả

Nếu ta cư xử có đạo đức, những người và sinh vật vô tội sẽ được giúp đỡ chứ không bị tổn hại bởi những gì ta làm.

Góc nhìn

Nhìn thế giới như một nơi trong đó các cá nhân và các nhóm thường hành động để làm hại người và sinh vật vô tội; nhìn con người như có nghĩa vụ phải giúp đỡ, chứ không làm hại người và sinh vật khác.

Cách tìm ra logic của một câu hỏi đạo đức

Bất kỳ khi nào lập luận xuyên suốt một câu hỏi đạo đức, bạn có thể sử dụng mẫu tô đậm các yếu tố của lập luận đạo đức dưới đây. Bằng cách này, bạn có thể phân tích và đánh giá tốt hơn các bộ phận trong tư duy của mình khi xử lý xuyên suốt câu hỏi:

1. Sau khi xem xét các quyền và nhu cầu của tôi cũng như của người khác trong tình huống này, mục đích của tôi phải là... (Ở đây bạn đang cố gắng xác định mục tiêu đạo đức bạn đang hi vọng đạt đến. Bạn đang cố gắng thực hiện điều gì?).
2. (Các) Câu hỏi cốt lõi mà tôi đang nỗ lực trả lời là... (Hãy viết ra vấn đề bạn đang đối mặt bằng nhiều cách khác nhau cho đến khi bạn nhận diện đúng vấn đề đạo đức bạn cần lập luận xuyên suốt. Sau đó, hãy đặt ra những câu hỏi đạo đức cốt lõi nằm trong vấn đề đó. Hãy tập trung vào những câu hỏi đạo đức quan trọng nhất. Khi đặt câu hỏi, hãy chắc chắn bạn có tính đến góc nhìn của những người có liên quan).
3. Những thông tin quan trọng nhất tôi sẽ cần đến để trả lời câu hỏi đạo đức này là... (Bạn phải nhận diện những thông tin sẽ giúp bạn hiểu và quan tâm đến những nhu cầu và quan điểm của những người có liên quan, cũng như của chính bạn).
4. (Những) khái niệm và nguyên tắc đạo đức then chốt sẽ dẫn dắt tư duy của tôi là... (Hãy nhận diện những ý niệm và nguyên tắc đạo đức có liên quan nhất cho việc lập luận xuyên suốt vấn đề. Các khái niệm và nguyên tắc đó có khác biệt về ý nghĩa không? Nếu có, cái nào sẽ chiếm ưu tiên? Hãy đảm bảo bạn đang sử dụng các nguyên tắc đạo đức chứ không phải các qui tắc xã hội, các học thuyết tôn

giáo hay các luật để dẫn dắt tư duy của mình. Xin xem ví dụ về các khái niệm đạo đức trang xxx).

5. (Những) giả định chính tôi đang dùng để lập luận xuyên suốt vấn đề đạo đức này là... (Bạn đang xem điều gì là đương nhiên? Bạn có cần tra vấn những giả định của mình không hay chúng có thể biện minh trong ngữ cảnh? Những giả định của bạn tác động ra sao đến cách bạn nhìn vấn đề đạo đức này? Còn có giả định đạo đức nào khác mà bạn nên sử dụng ngay lúc đầu không?).

6. Góc nhìn tôi cần xem xét trong lập luận xuyên suốt vấn đề đạo đức này là... (Nếu bạn đang gặp phải vấn đề đạo đức phức hợp, bạn sẽ cần xem xét nhiều hơn một cách nhìn về tình huống đó, và bạn sẽ cần làm vậy với một tinh thần cởi mở, chứ không phải theo một cách loại bỏ những quan niệm thay thế hợp lý khác. Những góc nhìn nào mà một người có lý trí sẽ xem xét trong việc lập luận xuyên suốt vấn đề đạo đức này?).

7. Các suy luận/ kết luận chính mà tôi đang đi đến trong việc lập luận xuyên suốt vấn đề đạo đức này là... (Có phải có hơn một cách diễn giải thông tin này không? Sau khi xem xét mọi thông tin, đâu là câu trả lời hợp lý nhất cho câu hỏi đạo đức này? Bạn đã và nên xem xét những câu trả lời thay thế nào khác nữa?).

8. Nếu tôi đi đến những kết luận ở mục 7 ở trên, một số hàm ý quan trọng cho tôi và người khác là... Nếu tôi đi đến những kết luận thay thế khác, một số hàm ý quan trọng sẽ là... (Những hệ luận nào có khả năng sẽ xảy ra nếu tôi hành động dựa trên những kết luận của mình? Những hệ luận nào có khả năng sẽ xảy ra nếu tôi hành động dựa trên những kết luận thay thế khác?).

Ngôn ngữ xét như một Hướng dẫn cho Lập luận đạo đức

Các ý niệm đối với con người thì giống như không khí ta thở. Ta phóng chiếu chúng ra khắp mọi nơi. Song, ta hiếm khi nào chú ý điều này. Ta sử dụng các từ và các ý niệm mà các từ biểu đạt để tạo ra một bức tranh về thế giới. Những gì ta kinh nghiệm thì ta đều kinh nghiệm thông qua các ý niệm, thường được lọc một cách thiếu phê phán thành các loại "tốt" và "xấu". Ta tự cho mình là tốt mà không hề phê phán, phản biện. Và ta cũng không hề phê phán, phản biện gì khi cho kẻ thù mình là xấu. Ta chọn các từ tích cực để phủ lên những điều "không thể biện minh" mà ta làm. Ta chọn các từ tiêu cực để lên án thậm chí cả những điều tốt mà kẻ thù ta thực hiện. Ta thường nhìn thế giới theo một cách bị bóp méo, vì lợi ích của mình. Những sự khái niệm hóa của ta thường nảy sinh từ việc ta bị nhồi sọ hay bị qui định về mặt xã hội (những lòng trung thành của ta được trình bày bằng những từ tich cực, dĩ nhiên là ta cũng không hề phê phán, phản biện chúng).

Thế thì, các ý niệm là những con đường dẫn ta đi đến cả thực tại lẫn sự tự lừa mình. Điển hình, ta thường không nhận ra mình đang tham gia vào việc kiến tạo ý niệm thuộc loại nào đó, hoặc tốt hoặc xấu. Trong cuộc sống hàng ngày, ta không kinh nghiệm thấy mình đang định hình những gì ta nhìn và kiến tạo thế giới vì lợi ích của ta.

Đối với người có tinh thần không phản biện, điều đó giống như việc con người trong thế giới đi đến với ta bằng các nhãn hiệu ta gán cho bản tính cố hữu của họ. CHÚNG là "những kẻ khủng bố". TA là "các chiến sĩ tự do". Tất thảy chúng ta đều từng có lúc là nạn nhân của một ảo tưởng không thể tránh được về tính khách quan. Vì vậy, ta xem người khác như không có chung một bản tính người, mà hoàn toàn xem họ như "những người bạn" hoặc như "những kẻ thù", và tương ứng là "tốt" và "xấu". Ý hệ, sự tự lừa mình và huyền thoại đóng một vai trò lớn trong bản sắc của ta và cách ta tư duy và phán đoán. Tuy nhiên, tâm trí ta vận hành như thể ta hoàn toàn là những nhà quan sát trung lập về thực tại. Và trên hết, ta thường trở nên tự cho mình là đúng khi các ý niệm của ta bị thách thức.

Để phát triển như những nhà tư duy đạo đức, ta phải có một lập trường mới đối với chính mình. Ta phải nhận ra các ý niệm được ta dùng để nhìn và trải nghiệm thế giới. ta phải trở nên tinh thông các ý niệm của chính mình. Ta phải học cách tư duy với các ý niệm thay thế và bên trong các "thế giới quan" thay thế khác. Như những nhà ngữ nghĩa học thường nói: "Từ không phải là vật! Từ không phải là vật!" Nếu ta bị dính mắc vào một nhóm khái niệm (ý niệm, từ) thì tư duy của ta bị mắc bẫy. Từ và vật sẽ trở thành một và cùng một thứ trong tâm trí ta. Rồi ta sẽ không thể hành động như những con người tự do, có đạo đức.

Các ý niệm ta đã và đang hình thành trong kinh nghiệm cá nhân thường có bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm. Các ý niệm ta kế thừa từ sự nhồi sọ của xã hội thường mang bản tính lấy xã hội làm trung tâm. Cả hai đều có thể giới hạn đáng kể nhận thức của ta. Đó là nơi việc hiểu biết các thuật ngữ đạo đức trong ngôn ngữ mẹ của ta có thể giúp ích.

Các ý tưởng ta học được từ các bộ môn học thuật và từ việc nghiên cứu những sự phân biệt cố hữu trong những cách dùng ngôn ngữ có thể đưa ra vượt ra khỏi bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm và ý hệ xã hội. Khi ta học cách tư duy một cách lịch sử, một cách xã hội, một cách nhân học, một cách khoa học và một cách triết học, ta có thể nhìn thấy sự vô tri, định kiến, những sự rập khuôn, những ảo tưởng và những sự thiên lệch trong tư duy cá nhân của mình và trong tư duy chung trong xã hội mình.

Hơn nữa, việc kiểm soát được những phân biệt đạo đức nằm mặc nhiên trong cách dùng ngôn ngữ đã được xác lập có thể có một ảnh hưởng lớn đến cách ta định hình kinh nghiệm của mình. Chẳng hạn, thông qua sự kiểm soát đó, ta sẽ phân biệt đạo đức học với tôn giáo, qui ước xã hội và chính trị. Năng lực này sẽ tác động đến những phán đoán ta đưa ra và cách ta diễn giải các tình huống.

Các khái niệm đạo đức cốt lõi nằm trong các ngôn ngữ tự nhiên

Để lý luận tốt qua một câu hỏi hay vấn đề đạo đức đòi hỏi rằng ta phải nhận diện và áp dụng các khái niệm đạo đức có liên quan. Nhưng, ta tìm những khái niệm đó ở đâu? Chúng nằm sẵn trong mọi ngôn ngữ tự nhiên(1). Để nhận ra chúng, ta chỉ cần nhìn vào một hành động thiện, gồm: thúc đẩy sự tử tế, lòng cảm thông, sự thấu hiểu, tinh thần cởi mở, sự kiên nhẫn, khoan dung, tha thứ, nhân từ, nhân ái, ân cần, quan tâm, lễ phép, tôn trọng, rộng lượng, nhân hậu, đồng cảm, công bằng, không thiên lệch, vô tư, chính trực và bình đẳng.

Việc làm gây hại gồm: thiếu quan tâm, vị kỷ, lấy cái tôi làm trung tâm, tàn bạo, bất công, tham lam, thống trị, ích kỷ, không tôn trọng, định kiến, hẹp hòi, khinh suất,

---

1. Chúng tôi dùng thuật ngữ "ngôn ngữ tự nhiên" để đặt tương phản với "ngôn ngữ kỹ thuật". Tiếng Đức, Pháp, Nhật, Anh đều dùng chữ "ngôn ngữ tự nhiên". Các ngôn ngữ của vật lý học, hóa học và toán học là ngôn ngữ "kỹ thuật". Các ngôn ngữ tự nhiên là ngôn ngữ ta dùng trong cuộc sống hàng ngày và cho phép ta dùng các từ của nó để tư duy theo vô vàn cách thức đa dạng, kể cả theo cách tôn giáo, xã hội, chính trị, đạo đức và cá nhân.

đạo đức giả, không tử tế, không nhạy cảm, keo kiệt, hung ác, hiểm độc, căm ghét, ác ý, thù hận, nhẫn tâm, hám lợi, không dung thứ, phân biệt đối xử, sô-vanh, bần tiện, hai mặt, không chân thật, tàn nhẫn, vô cảm, xấu xa, độc ác, bất khoan dung, không công bằng, sủng ái, nhỏ nhen, vụn vặt, bất lương, xảo trá, lừa lọc, giả dối, lừa gạt, cuồng tín, gian xảo, bạo lực, ác dâm, gian lận, dối trá.

Để hành động có đạo đức, ta phải hiểu và trở nên nhạy cảm với các ý niệm như ở trên, sao cho làm rõ được sự khác nhau giữa hành động có đạo đức và vô đạo đức. Nếu ta muốn hành động để tối đa hóa cái tốt và giảm tối thiểu sự tổn hại ta gây ra cho người khác, ta phải học cách kiểm soát và đánh giá các tư tưởng, cảm xúc, tâm thế và hành động của mình. Ta phải trở nên lão luyện trong việc nhận ra khi nào mình đang lấy cái Tôi làm trung tâm hay đang hành động bên trong một góc nhìn tư lợi và/ hoặc tự lừa mình. Ta phải nhận ra việc con người hành động mà không tôn trọng đến quyền và nhu cầu của người khác là thông thường đến như thế nào. Ta phải nhận ra ta thường cư xử hệt như những người ta lên án biết bao nhiêu. Ta phải nhìn thấy "cái tốt đẹp" nơi kẻ thù của mình và "cái xấu" nơi chính mình. Như William Graham Summer đã nói, "không bao giờ có chuyện ta thì tốt còn người khác là xấu". Mỗi người chúng ta đều là sự hòa trộn của cả hai điều đó.

Các khái niệm miêu tả hành vi hay động cơ đạo đức

Vượt qua những cái mang tính nghĩa vụ để cải thiện cuộc sống của người khác

Rộng lượng Thương người
Không vị kỷ Nhân đạo
Bác ái Nhân từ
Vị tha

Đối xử người khác một cách khách quan để công bằng

Thấu hiểu Không
thành kiến
Không thiên lệch

Không thiên vị
Bình đẳng Khách
quan

Quan hệ với người khác bằng những cách phù hợp đạo đức

Lịch sự
Nhẫn nại
Lễ phép
Khoan dung

Nhã nhặn
lịch thiệp
Tôn trọng

Sống ngay thẳng và chân thật

Chân thật
Trung thành
Thật thà

Chung thủy
Chính trực
Đáng tin

Quan hệ với người khác theo những cách đáng khích lệ

Thân thiện
Hòa nhã
Hay giúp đỡ
Âu yếm
Thân mật

Nhiệt tình
Tử tế
Tốt bụng
Dịu dàng

Sẵn lòng tha thứ để giảm bớt khổ đau

Tha thứ
Miễn tội
Xin lỗi

Trắc ẩn
Xá tội
Thương xót

Hành động vì quan tâm đến cách hành xử đạo đức

Thận trọng
Phóng khoáng
Liêm chính

Vô tư
Liêm khiết

Hành động vì quan tâm đến cảm xúc của người khác

Đồng cảm
Nhiệt tâm
Cảm thông

Có suy xét
Thấu hiểu

Các khái niệm miêu tả hành vi hay động cơ vô đạo đức

Sử dụng các kĩ năng trí tuệ để khiến người khác hành động đi ngược lại những lợi ích tốt nhất của họ

Xảo trá
Quỷ quyệt
Ranh mãnh
Bịp bợm
Xảo quyệt
Lừa lọc
Hai mặt
Lừa dối
Lừa gạt
Lừa đảo
Lợi dụng
Đánh lừa
Đánh lạc hướng
Làm mê muội
Mê hoặc
Phản bội
Xuyên tạc
Lẩn tránh

Làm ngơ các quyền và các nhu cầu của người khác để lấy được thứ mình muốn

Ích kỷ
Tự phụ
Tự đề cao mình
Tham lam
Hám lợi
Hám tiền
Thích trữ của
Thèm muốn
Vị kỷ

Tinh thần cứng nhắc khiến người ta không sống có đạo đức

Định kiến
Thiên lệch
Hẹp hòi
Cố chấp
Quá khích
Cuồng tín
Không công bằng
Sô-Vanh
Hiếu chiến
Nhỏ mọn
Bất khoan dung

Gây ra cảm giác không thoải mái

Thiếu tôn trọng
Thô lỗ
Cục cằn
Khiếm nhã
Không tử tế
Bất lịch sự
Ô danh
Căm hờn
Nhẫn tâm
Vô tâm
Thiếu kiên nhẫn
Vô tình
Nhỏ mọn
Thù địch
Thích đánh nhau
Hay gây gổ
Hay sinh sự
Hay cà khịa

Gây ra đau đớn và đau khổ

Nghiệt ngã
Thống trị
Áp chế
Đàn áp
Bắt nạt
Gây tổn thương
Độc ác
Tàn bạo
Thiếu suy xét
Vô nhân tính
Nhẫn tâm
Ác ý
Hiểm ác
Khắc nghiệt
Cay nghiệt
Hằn học
Hiểm độc
Ác tâm
Ác ý

Từ chối không nói sự thật vì lợi ích vị kỷ

Bất lương
Dối trá
Nói dối
Nói sai sự thật
Giả dối
Đạo đức giả
Gian xảo
Phản trắc
Bất trung

Hành vi vô đạo đức nảy sinh từ sự oán hận lúc trước

Phẫn uất
Hận thù
Báo thù
Hiềm thù
Hằn học

Các nguyên tắc đạo đức cơ bản nảy sinh từ các khái niệm đạo đức

Các nguyên tắc đạo đức nằm mặc nhiên trong các khái niệm đạo đức. Chúng phải là lực hướng đạo cho lập luận đạo đức. Để có kỹ năng trong mọi lĩnh vực lập luận, ta phải hiểu các nguyên tắc mang tính định nghĩa cho lĩnh vực đó. Để có kỹ năng lập luận toán học, ta phải hiểu các nguyên tắc toán học cơ bản. Để có kỹ năng lập luận khoa học, ta phải hiểu các nguyên tắc khoa học cơ bản (các nguyên tắc của vật lý học, hóa học, thiên văn học,v.v.). Cũng như vậy, để có kỹ năng lập luận đạo đức, ta phải hiểu các nguyên tắc đạo đức cơ bản. Dĩ nhiên, trong nhiều trường hợp, việc nhận diện và áp dụng các nguyên tắc đạo đức là khá đơn giản. Song trong một số trường hợp khác thì không đơn giản chút nào.

Hãy xét một số trường hợp đơn giản sau. Nói dối, diễn giải sai hay bóp méo các sự kiện để thu lợi vật chất của người khác rõ ràng là một sự vi phạm nguyên tắc cơ bản được hàm ý qua khái niệm "chân thật". Việc mong đợi người khác sống theo các chuẩn mà bản thân ta thường xuyên vi phạm rõ ràng là một sự vi phạm nguyên tắc đạo đức được hàm ý qua khái niệm "chính trực". Đối xử với người khác như thể họ ít giá trị hơn mình là một sự vi phạm các nguyên tắc được hàm ý qua các khái niệm "chính trực, công bằng và bình đẳng". Giết người cướp của hay tra tấn người khác là vô đạo đức, vì ta nghĩ những điều đó là phạm tội và phải thú nhận.

Những câu hỏi đạo đức phức tạp nảy sinh khi các nguyên tắc đạo đức xung khắc có vẻ được áp dụng vào cùng một trường hợp giống nhau và thế là ta rơi vào thế lưỡng nan phải lựa chọn nguyên tắc ưu tiên hơn. Trong những trường hợp đó, ta phải lập luận một cách đối thoại giữa các góc nhìn đạo đức xung đột. Ta phải đánh giá lập luận được mỗi góc nhìn sử dụng khi ta còn có câu hỏi nhiều lựa chọn mở ngỏ cho cuộc tranh cãi hợp lý. Dĩ nhiên, việc đó có phải là một câu hỏi hay không hoặc đó có phải là một câu hỏi nhiều lựa chọn hay không cũng đã là một vấn đề tranh cãi rồi. Quan trọng nhất, ta phải tiếp cận những trường hợp phức hợp bằng sự khiêm tốn trí tuệ, tránh khuynh hướng tự mãn khi áp dụng các nguyên tắc đạo đức.

Các nguyên tắc đạo đức phổ quát

Như chúng tôi đã nói, các nguyên tắc đạo đức nằm cố hữu trong các khái niệm đạo đức. Hầu hết các nguyên tắc đạo đức đều rõ ràng, dù việc áp dụng chúng vào các trường hợp phức tạp thì có thể không. Trong số các nguyên tắc đạo đức rõ ràng nhất, có các nguyên tắc sau: a) lừa dối, đánh lừa, bóc lột, lạm dụng, gây hại hay ăn cắp người khác là vô đạo đức; b) chúng ta phải có trách nhiệm đạo đức phải tôn trọng các quyền, sự tự do và phúc lợi của người khác để giúp những người đang cần giúp đỡ nhất, để tìm kiếm sự thiện chung, chứ không chỉ tìm kiếm lợi ích tư lợi và những khoái cảm lấy cái Tôi làm trung tâm của ta, và phấn đấu để biến thế giới trở nên công bằng và nhân văn hơn.

Không có bất kỳ dân tộc, tôn giáo, nhóm sắc tộc nào công khai ủng hộ quyền lừa dối, đánh lừa, bóc lột, lạm dụng, gây hại hay ăn cắp người khác cả. Cũng không có bất kỳ người nào công khai ra sức biện minh cho sự nô lệ, tội diệt chủng, sự tra tấn, chủ nghĩa khủng bố, việc phủ nhận nguyên tắc xét xử theo luật, bỏ tù vì động cơ chính trị, phân biệt giới tính, phân biệt chủng tộc, giết người, hành hung, cưỡng hiếp, gian dối, lừa lọc hay đe dọa cả. Dĩ nhiên, mọi nhóm đều vi phạm một số (nếu không nói là khá nhiều) nguyên tắc nói trên, che giấu những sự vi phạm đó bằng cách sử dụng ngôn ngữ đánh lạc hướng. Mọi nhóm đều lão luyện trong việc kể câu chuyện của mình theo những cách tư lợi và tự biện minh. Thế thì, vấn đề không phải là việc ta thiếu các nguyên tắc đạo đức, mà là ở chỗ ta tự nhiên rất giỏi che giấu những việc vi phạm các nguyên tắc đạo đức.

Chẳng hạn, Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hiệp quốc, được Đại hội đồng Liên hiệp quốc xác lập ngày 10 tháng 12 năm 1948, phát biểu các nguyên tắc đạo đức phổ quát. Mỗi quốc gia, không có ngoại lệ, đều phải ký tán thành. Trên toàn cầu, bản tuyên ngôn này định nghĩa cho lĩnh vực đạo đức học. Tuyên ngôn gồm một lời mở đầu, một lời tuyên bố chung và 30 điều khoản chi tiết. Dưới đây là lời tuyên bố và một phần trong lời mở đầu:

> BẢN TUYÊN NGÔN PHỔ QUÁT VỀ NHÂN QUYỀN này là thước đo chung về thành tựu cho tất cả các quốc gia và các dân tộc, để đến cuối cùng mọi cá nhân và tổ chức xã hội, trên cơ sở luôn ghi nhớ bản Tuyên ngôn này, sẽ phấn đấu thúc đẩy sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người thông qua truyền bá và giáo dục; cũng như thúc đẩy sự thừa nhận và tuân thủ chung và hữu hiệu các quyền đó không chỉ với người dân nước mình mà với cả các dân tộc ở các lãnh thổ thuộc quyền quản thác của nước mình.
>
> Việc thừa nhận phẩm giá vốn có, các quyền bình đẳng và không thể tách rời của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là cơ sở cho tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới… Sự coi thường và xâm phạm các quyền con người đã dẫn đến những hành động tàn bạo xúc phạm tới lương tâm nhân loại, và việc xây dựng một thế giới trong đó con người được tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, không còn phải chịu nỗi sợ hãi và nghèo khổ cùng cực, được coi là khát vọng cao nhất của loài người.

Tuyên ngôn này được xem như "một thước đo chung về thành tựu cho mọi quốc gia và mọi dân tộc". Nó là một minh chứng tốt cho các nguyên tắc đạo đức minh nhiên. Dưới đây là một vài nguyên tắc được nêu ra trong 30 điều của bản tuyên ngôn này:

- Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền.
- Mọi người đều có quyền được sống, được tự do và được an toàn cá nhân.
- Không ai bị bắt làm nô lệ hoặc bị cưỡng bức làm nô lệ.
- Không ai bị tra tấn hay bị đối xử, xử phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm.
- Mọi người đều có quyền được hưởng một mức sống thích đáng, đủ để đảm bảo sức khoẻ và phúc lợi của bản thân và gia đình.
- Mọi người đều có quyền được học tập.
- Mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay các địa vị khác.
- Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt nào.

Mặc dù các nguyên tắc được nêu ra trong Tuyên ngôn Phổ quát về Nhân quyền này về lý thuyết là được chấp nhận một cách phổ quát, song trên thực tế, mỗi quốc gia đều vi phạm chúng (dù không vi phạm ở cùng mức độ như nhau). Chẳng hạn, vào ngày 5 tháng 10 năm 1998, tờ *New York Times* (bài "Amnesty Finds 'Widespread Pattern' of U.S.

Rights Violations", tr. A11) đã tường thuật rằng Amnesty International đang chỉ ra nước Mỹ vi phạm các quyền con người cơ bản. Theo báo cáo của Amnesty International, "lực lượng cảnh sát và các hệ thống hình sự và pháp luật có một khuôn mẫu bền bỉ và rộng khắp cho sự vi phạm quyền con người" ở Mỹ.

Trong báo cáo này, Amnesty International đã cam đoan rằng Mỹ đã thất bại trong việc "thực hiện lời hứa hẹn cơ bản cho quyền của tất cả mọi người". Bài tường thuật viết, "trên khắp đất nước, hàng ngàn người đang phải chịu hành động hung ác được duy trì liên tục và cố ý của các nhân viên cảnh sát. Các phương pháp giam cầm tàn nhẫn, làm mất giá trị con người và đôi khi tước đi mạng sống là đặc trưng của hệ thống tư pháp hình sự". Pierre Sane, Tổng thư ký sáu năm của Amnesty International đã nói, "Chúng tôi cảm thấy rất mỉa mai rằng một đất nước hùng mạnh nhất trên thế giới sử dụng các luật về quyền con người để chỉ trích nước khác song lại không áp dụng các tiêu chuẩn đó ngay tại quê nhà".

Vì thế, ở cấp độ hành động, việc nhất trí bằng lời về các nguyên tắc chung thôi là không đủ. Có quá nhiều cách trong đó con người có thể hợp lý hóa những ham muốn tham lam của mình và cảm thấy mình chính đáng khi chiếm lợi từ những người yếu hơn hoặc những người thiếu khả năng bảo vệ bản thân hơn. Có quá nhiều lực trong cuộc sống con người - như các nhóm xã hội, các tôn giáo, các ý hệ chính trị - làm phát sinh các chuẩn hành vi vốn làm ngơ, bóp méo hay không thèm đếm xỉa đến các nguyên tắc đạo đức cốt lõi. Nói ngắn gọn, trong một thế giới nơi sức mạnh và quyền lực là những tác nhân quyết định tối hậu cho những gì đang xảy ra, thì các nguyên tắc đạo đức phổ quát "đã được chấp nhận" không thể thể hiện thành thực tại của một thế giới công chính được.

Hai Loại Câu Hỏi Đạo Đức

Các câu hỏi đạo đức có thể hoặc là đơn giản hoặc là phức hợp. Các câu hỏi đạo đức đơn giản hoặc về bản tính là mang tính định nghĩa hoặc dễ dàng trả lời bằng cách áp dụng một hay một nhóm nguyên tắc đạo đức không thể tranh cãi đối với một nhóm sự kiện hoàn toàn rõ ràng. Các câu hỏi đạo đức phức hợp, mặt khác, đòi hỏi một người phải lập luận thông qua hơn một góc nhìn đạo đức và đưa ra các phán đoán đạo đức có lập luận. Các câu hỏi đạo đức là phức hợp khi có nhiều cách nhìn những thông tin có liên quan. Những câu hỏi phức hợp vì thế mở ngỏ cho đối thoại và tranh luận có lập luận. Tuy nhiên, cả hai loại câu hỏi này đều cần lập luận đạo đức.

Các câu hỏi đạo đức đơn giản hầu như tự chúng sẽ trả lời cho chính chúng. Dưới đây là một số ví dụ:

- Bắt một sinh vật vô tội phải chịu đựng sự đau đớn không cần thiết thì có tàn nhẫn không? (câu hỏi mang tính định nghĩa).
- Phủ nhận một quyền con người cơ bản của ai đó có bất công không? (câu hỏi mang tính định nghĩa).
- Tra tấn loài vật để vui đùa có trái đạo đức không? (trường hợp hoàn toàn rõ ràng).
- Tra tấn người khác để bắt họ nhận tội có trái đạo đức không? (trường hợp hoàn toàn rõ ràng).
- Sử dụng người khác để phục vụ các lợi ích vị kỷ của mình có trái đạo đức không? (trường hợp hoàn toàn rõ ràng).

Các câu hỏi đạo đức phức hợp là những câu hỏi có thể được tranh cãi nhiều hơn một cách (bằng cách sử dụng các nguyên tắc đạo đức). Chúng đòi hỏi phải lập luận bên trong nhiều góc nhìn đa dạng. Dưới đây là một số ví dụ:

- Dưới điều kiện nào, nếu có, thí nghiệm trên loài vật là được phép?
- Giết loài vật để làm thức ăn có trái đạo đức không?
- Trong chừng mực nào các nhà khoa học được phép thí nghiệm những loại vi rút mới (khi vi rút mà họ tạo ra có thể gây hại)?
- Dưới điều kiện nào người ta được quyền sống nhân tạo?
- Trong chừng mực nào các nhà khoa học có trách nhiệm đạo đức đặc biệt đối với xã hội?
- Tham gia vào các thực hành vô đạo đức để tự vệ vì kẻ thù của ta dùng chúng chống lại ta thì có chính đáng về mặt đạo đức không?
- Trong chừng mực nào tôi có nghĩa vụ đạo đức phải góp phần cho sự lành mạnh của môi trường?
- Dưới điều kiện nào, nếu có, án tử hình là chính đáng về mặt đạo đức?

Một ví dụ giả thiết về lập luận xuyên suốt một câu hỏi đạo đức phức hợp

Hãy thử xem xét, chẳng hạn, câu hỏi đạo đức phức hợp sau: cái chết êm ái có chính đáng về mặt đạo đức không. Khi người ta thông thạo các nền tảng của đạo đức học, ta hẳn sẽ mong chờ họ lập luận theo những cách cho thấy có sự nhạy cảm đối với các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức, với các trường hợp và tình huống mà các khái niệm và các nguyên tắc đó được áp dụng và với sự cần thiết phải loại bỏ các khái niệm và các nguyên tắc giả - đạo đức ra khỏi lập luận đạo đức của họ. Dưới đây là sự dựng lại cách ai đó có thể bắt đầu lập luận về cái chết êm ái, khi họ đã nhập tâm các nền tảng của đạo đức học:

> “Một số người xem cái chết êm ái là hoàn toàn sai trong mọi trường hợp, một số người khác lại xem nó rõ ràng là đúng trong một số

trường hợp và sai trong một số trường hợp khác, và số khác lại xem nó là một thế lưỡng nan đạo đức đích thực.

Có một số tình huống trong đó cái chết êm ái là không chính đáng. Tuy nhiên, để trả lời câu hỏi liệu nó có chính đáng hay không, ta phải suy ngẫm về nhiều hoàn cảnh khác nhau trong đó cái chết êm ái có vẻ hợp lý. Chẳng hạn, ta phải xem xét những trường hợp có liên quan đến những người đang chịu đựng sự đau đớn khủng khiếp vì những căn bệnh đang ở giai đoạn cuối. Trong nhóm này, có một số người van xin ta kết thúc sự đau đớn của họ bằng cách cho họ được chết (vì, dẫu trong sự đau đớn đó, họ không thể tự kết thúc mạng sống của mình mà không có sự giúp đỡ).

Cứ cho rằng một người ở trong hoàn cảnh như thế đang phải chịu đau đớn khủng khiếp ở giai đoạn cuối đi, thì một khái niệm đạo đức quan trọng có liên quan đến vấn đề này là khái niệm “tàn nhẫn”. Sự tàn nhẫn được từ điển *Webster’s New World* định nghĩa là “gây ra hay thuộc loại gây ra sự đau đớn, đau khổ, v.v..; chữ “tàn nhẫn” hàm ý sự dửng dưng trước sự đau khổ của người khác hay một tâm thế muốn gây ra đau khổ cho người khác”. Trong trường hợp này, tàn nhẫn có nghĩa là “một loại gây ra” sự đau đớn không cần thiết. Nghĩa là cho phép một người vô tội trải nghiệm sự đau đớn và đau khổ không cần thiết khi bạn có sức mạnh để loại bỏ nó – mà không phải hi sinh thứ gì đó có giá trị tương đương. Khái niệm đạo đức nữa có liên quan là sự cảm thông. Có lòng cảm thông là việc thể hiện ra sự đồng cảm sâu sắc với người khác, đi kèm với sự cần thiết phải giúp giảm nhẹ sự đau khổ.

Lòng trắc ẩn (và tránh nhẫn tâm) đòi hỏi ta “nỗ lực hành động” để giảm hay kết thúc sự đau khổ và đau đớn không cần thiết nơi những người và sinh vật vô tội”. Với nguyên tắc đạo đức này trong đầu, ta có thể tìm cách xác định theo nghĩa nào và trong những tình huống nào, việc từ chối trợ giúp một người đang đau đớn sẽ được xem là nhẫn tâm.

Dĩ nhiên, nguyên tắc đạo đức nữa có thể có liên quan đến vấn đề này là “cuộc sống là cái thiện tự thân và phải được duy trì”. Hầu hết những người có lý trí sẽ lập luận rằng vạn vật đều bình đẳng, cuộc sống là cái thiện tự thân và phải được duy trì. Song, đó là một vấn đề khác với việc tin rằng “cuộc sống phải được duy trì bất kể hoàn cảnh nào”. Có vẻ như nguyên tắc tuyệt đối

> này chỉ có thể được biện hộ bằng cách sử dụng các yêu sách thần học (như “Thượng đế tuyệt đối nghiêm cấm tự sát dưới mọi hoàn cảnh”). Nhưng, niềm tin thần học này chỉ liên quan đến những ai chấp nhận các học thuyết tôn giáo nằm bên dưới nó. Đó không phải là một mệnh lệnh đạo đức xét như mệnh lệnh đạo đức và không được phép lẫn lộn với mệnh lệnh đạo đức. Không ai phản bác một hệ thống niềm tin thần học - và mọi người đều có quyền đó - lại cần chấp nhận bất kỳ khẳng quyết nào phụ thuộc vào nó.”

Đoạn trích này có ba điểm mạnh:

- Người lập luận nhận ra loại trường hợp trong đó cái chết êm ái là hợp lý nhất.
- Người lập luận nhận ra các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức có liên quan.
- Người lập luận nhận ra rằng các niềm tin thần học không được phép sử dụng trong lập luận đạo đức.

Dĩ nhiên, lập luận này là chưa “hoàn tất”. Nó vẫn chưa giải quyết được vấn đề. Vấn đề quá phức hợp nên không dễ gì giải quyết được. Khi tập trung vào các trường hợp riêng, việc học cách nhận diện những khái niệm và những nguyên tắc đạo đức có liên quan, học cách lập luận bên trong nhiều góc nhìn đa dạng, và học cách loại bỏ những khái niệm và những nguyên tắc giả-đạo đức đều là những thành tố cốt lõi của lập luận đạo đức có kỹ năng. Tuy nhiên, trong một trường hợp phức hợp như trường hợp trên, ta cần đặt ra những câu hỏi sâu hơn. Người lập luận sẽ cần xem xét các phản bác từ nhiều góc nhìn khác nhau cũng như phải đi theo những hàm ý của mỗi lập trường lớn đó. Một số tình huống độc nhất có thể sẽ nảy sinh. trong đó cần thiết phải có những sự hạn chế và những phán đoán đạo đức đã được hiệu chỉnh.

Ý nghĩa của các sự kiện và góc nhìn

Khi xử lý một câu hỏi đạo đức đơn giản, có một câu trả lời đúng đắn hoàn toàn rõ ràng. Nhưng khi đối mặt với một câu hỏi đạo đức phức hợp, thì cần thiết phải phân tích các dữ kiện có liên quan với câu hỏi bằng cách sử dụng nhiều góc nhìn đa dạng. (Xét điển hình) Có nhiều góc nhìn khác nhau để nhìn và diễn giải một nhóm sự kiện phức tạp. Việc cởi mở với một dãy nhận thức từ nhiều góc nhìn đa dạng và việc sẵn lòng tra vấn góc nhìn của ta là điều cốt yếu cho "tính khách quan". Ta có thể hình dung điều này như trong biểu đồ hình ở trang bên, minh họa cách nhiều góc nhìn khác nhau có thể quan hệ với cùng một nhóm sự kiện giống nhau như thế nào. Để lập luận khách quan xuyên suốt một vấn đề đạo đức phức hợp hay phức tạp, ta phải xem xét một dãy rộng các góc nhìn có liên quan, đạt được nhận thức sâu sắc từ tất cả góc nhìn đó, nhận ra những điểm yếu và tính thiên lệch của mỗi góc nhìn, và tích hợp những gì ta học được thành một góc nhìn toàn bộ, nhiều khía cạnh và bao quát hơn. Mỗi góc nhìn phải được dùng để "chỉnh cho đúng lại" những sự cường điệu hay bóp méo trong các góc nhìn khác và thêm vào những sự kiện đã không được những góc nhìn đó xem trọng.

Các sự kiện đạo đức thường bị tin tức dòng chủ lưu bóp méo hoặc làm ngơ(1)

Do bị định hướng theo lợi ích, tin tức dòng chủ lưu về căn bản là bị lèo lái bởi những gì bán được cho độc giả. Nhiều vấn đề đạo đức vì thế đã bị truyền thông tin tức dòng

---

1 Để biết thêm chi tiết về một phân tích hoàn chỉnh hơn về vấn đề của định kiến truyền thông và sự tuyên truyền trong tin tức quốc tế, xin xem cẩm nang về vấn đề này do Quĩ Tư duy Phản biện ấn hành.

chủ lưu bóp méo, vì chúng tìm cách trình bày tin tức theo một hình thức tạo giá trị hiệu lực cho những niềm tin và những nhận thức lúc trước của khán giả. Việc cho rằng đất nước ta là "tốt" còn kẻ thù là "xấu" vốn là tiên đề trong gần như mọi bản tin dòng chủ lưu.

Hơn nữa, nếu tính khách quan hay sự công bằng trong việc tạo ra các câu chuyện tin tức được xem là đồng nghĩa với việc trình bày tất cả sự kiện và chỉ sự kiện mà thôi ("Mọi tin tức đều phù hợp để in"), thì tính khách quan và sự công bằng chỉ là một ảo tưởng. Ai cũng chỉ biết được một phần nhỏ sự kiện, nên không thể nào trình bày được hết mọi sự kiện (thậm chí nếu một người biết rõ hết tất cả sự kiện). Thậm chí ta không thể trình bày mọi sự kiện quan trọng được, bởi lẽ dù ta biết rõ hết mọi sự kiện thì hẳn sẽ cần nhiều tiêu chí đối chọi nhau để xác định cái gì là "quan trọng". Vì thế, đối với tin tức truyền thông chứa đựng những hàm ý đạo đức và căn tính dân tộc đang bị đe dọa của ta, ta phải luôn đặt câu hỏi "Tôi có thể nghĩ khác đi như thế nào nếu ở đây các sự kiện khác được nhấn mạnh?" "Nếu bài viết này là do những kẻ áp bức ta, những kẻ thù của ta viết thì sao?"

Truyền thông (trong mỗi quốc gia trên thế giới) tập trung vào những gì cá nhân độc giả quan tâm. Vì vậy, thậm chí nếu độc giả cứ phi lý tin vào những điều gì đó (chẳng hạn, nuôi dưỡng một sự căm ghét phi lý nào đó), thì niềm tin ấy (tức việc căm ghét) sẽ được truyền thông ở đất nước họ xem là hợp lý. Thế nên, khi chế độ nô lệ được chấp nhận chung ở Mỹ, truyền thông đã trình bày chế độ nô lệ là "tự nhiên". Khi đất nước bị chia tách, truyền thông cũng chia tách về sự trình bày các "sự kiện" (mỗi tờ báo sẽ trình bày những gì mà đa số độc giả tin là đúng thì là điều đúng).

Nhiều góc nhìn về một nhóm sự kiện được mang lại

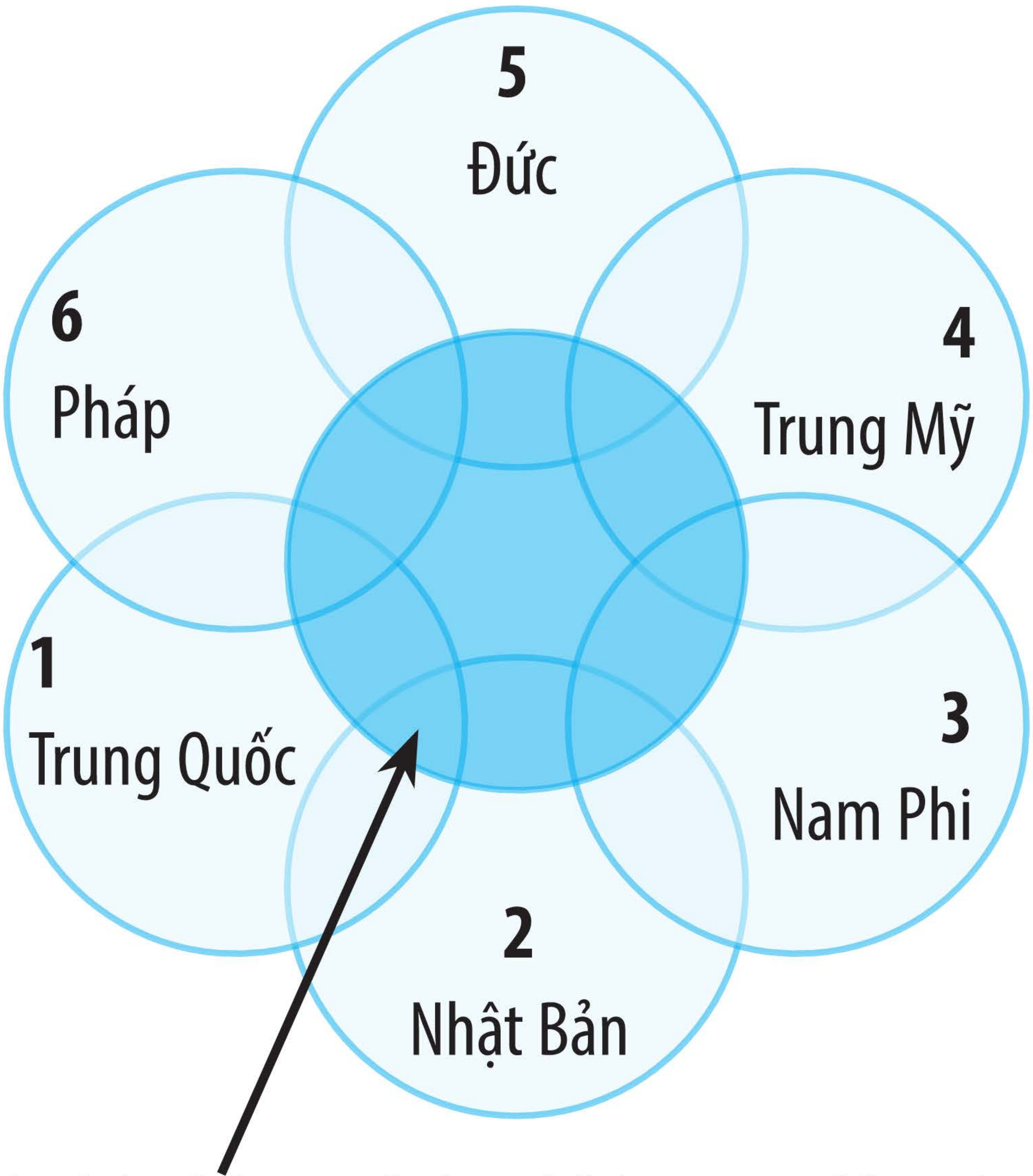
5
Đức
6
Pháp
4
Trung Mỹ
1
Trung Quốc
3
Nam Phi
2
Nhật Bản

Toàn bộ nhóm sự kiện có liên quan đến việc hiểu một nhóm sự kiện được mang lại.

Ghi chú:

- Chỉ một số sự kiện được nhấn mạnh trong bất kỳ góc nhìn nào.
- Mọi góc nhìn đều làm ngơ hay hạ thấp một số sự kiện.
- Không có góc nhìn riêng lẻ nào mang lại một sự hiểu trọn vẹn.
- Hiểu được nhiều góc nhìn khác nhau sẽ gia tăng nhận thức sâu sắc.

Hãy xem xét cách truyền thông xử lý như thế nào với những thứ"gây sốc", "kích động", "phản cảm" hay "vui thích" cho độc giả của nó. Chẳng hạn, một phụ nữ phơi ngực trần tắm nắng trên bãi biển là điều bình thường ở Riviera nước Pháp. Vì thế, cô này không bị lên án và chuyện đó cũng không được xem là "tin tức". Song, cũng người phụ nữ đó sẽ bị bắt và bị phạt vì tội phơi ngực trần tắm nắng ở bãi biển Lebanon. Thế nên, cô này sẽ bị lên án và chuyện đó sẽ được xem là "tin tức". Nhưng, việc phơi ngực trần tắm nắng không vô đạo đức cũng không có đạo đức. Nó chỉ là vấn đề về sự qui ước văn hóa mà thôi.

Để phân tích và đánh giá hiệu quả tin tức truyền thông về một vấn đề đạo đức, ta cần:

- Nhận diện góc nhìn mà từ đó một câu chuyện tin tức hay mô tả lịch sử đặc thù được tạo ra, cũng như khán giả nó hướng đến.
- Nhận ra những góc nhìn nào mà câu chuyện đó đang phủ định hay làm ngơ, và vì sao.
- Phân biệt các sự kiện thô nằm đằng sau câu chuyện với sự diễn giải và xuyên tạc các sự kiện đó.

Khi làm được việc này, ta có thể đưa ra phán đoán có nhiều tính độc lập hơn. Ta sẽ không bị thao túng bởi những sự bóp méo khái niệm vốn sẽ dẫn ta đến chỗ hiểu sai những vấn đề đạo đức.

Logic nằm đằng sau sự thiên lệch và truyền thông trong việc trình bày các sự kiện có liên quan đến các vấn đề đạo đức thì không phức tạp gì. Con người điển hình thường mang sự định hướng, viễn tượng hay góc nhìn nào đó vào cho các tình huống. Định hướng của họ có xu hướng tô màu cho những gì họ nhìn và cách họ nhìn. Song, sự thật của những gì đang xảy ra trong một tình huống nào đó hầu như luôn luôn phức tạp hơn những gì được con người nhận thức với một lợi ích tư lợi và cá nhân trong tình huống đó. Để công bằng với các vấn đề đạo đức, ta phải giữ cho tâm trí mình mở ngỏ với nhiều cách mô tả khác nhau về những gì "đã và đang diễn ra". Ta phải tìm kiếm những sự kiện được kẻ thù chỉ ra khi họ biến nó thành lợi thế chống lại ta, chứ không chỉ khăng khăng tập trung vào những sự kiện ủng hộ cho quan điểm của mình.

Tinh thần không phản biện sẽ bóp méo một cách có hệ thống những sự kiện nằm bên dưới những vấn đề đạo đức

Tinh thần không phản biện có khuynh hướng vô thức nhận diện các "sự kiện" nằm bên dưới những vấn đề đạo đức phù hợp với những châm ngôn được họ cảm nhận sâu sắc dù không được nói ra:

- "Đó là các sự kiện vì tôi tin thế".
- "Đó là các sự kiện vì chúng tôi tin thế".
- "Đó là các sự kiện vì tôi muốn tin thế".
- "Đó là các sự kiện vì việc tin chúng sẽ phục vụ cho lợi ích tư lợi của tôi".

Tinh thần phản biện sẽ tìm kiếm có ý thức các sự thật tương ứng với những châm ngôn tự-hiệu chỉnh sau:

- "Tôi tin nó, nhưng nó cũng có thể không đúng".
- "Chúng tôi tin nó, nhưng cũng có thể chúng tôi sai".
- "Chúng tôi muốn tin nó, nhưng có thể chúng tôi bị định kiến bởi những ham muốn và giới hạn văn hóa của mình".
- "Việc tin nó sẽ phục vụ cho lợi ích tư lợi của tôi, nhưng lợi ích tư lợi của tôi không liên quan gì với sự thật cả".

Khám phá các sự kiện tác động đến một vấn đề đạo đức

Khi lập luận xuyên suốt một vấn đề đạo đức, ta phải nhạy cảm với những nhóm câu hỏi có liên quan đến các sự kiện và góc nhìn như dưới đây:

1. Đâu là các sự kiện thô, tức sự mô tả trung tính nhất về những đặc điểm cốt lõi của tình huống? Nếu một người mô tả kinh nghiệm theo cách này và những người khác không đồng ý, thì ta có thể tìm hiểu các sự kiện như thế nào cho đầy đủ hơn?
2. Đâu là những lợi ích, thái độ, ham muốn và quan tâm đang ảnh hưởng đến cách tôi nhìn tình huống đạo đức này? Có phải lúc nào tôi cũng ý thức về chúng không? Tại sao có và tại sao không?
3. Tôi đang khái niệm hóa hay diễn giải tình huống đạo đức này theo góc nhìn của mình như thế nào? Có thể diễn giải nó khác đi được không?

Logic của việc phát triển như một nhà tư duy đạo đức

Tất cả chúng ta đều bị lôi kéo theo hai hướng

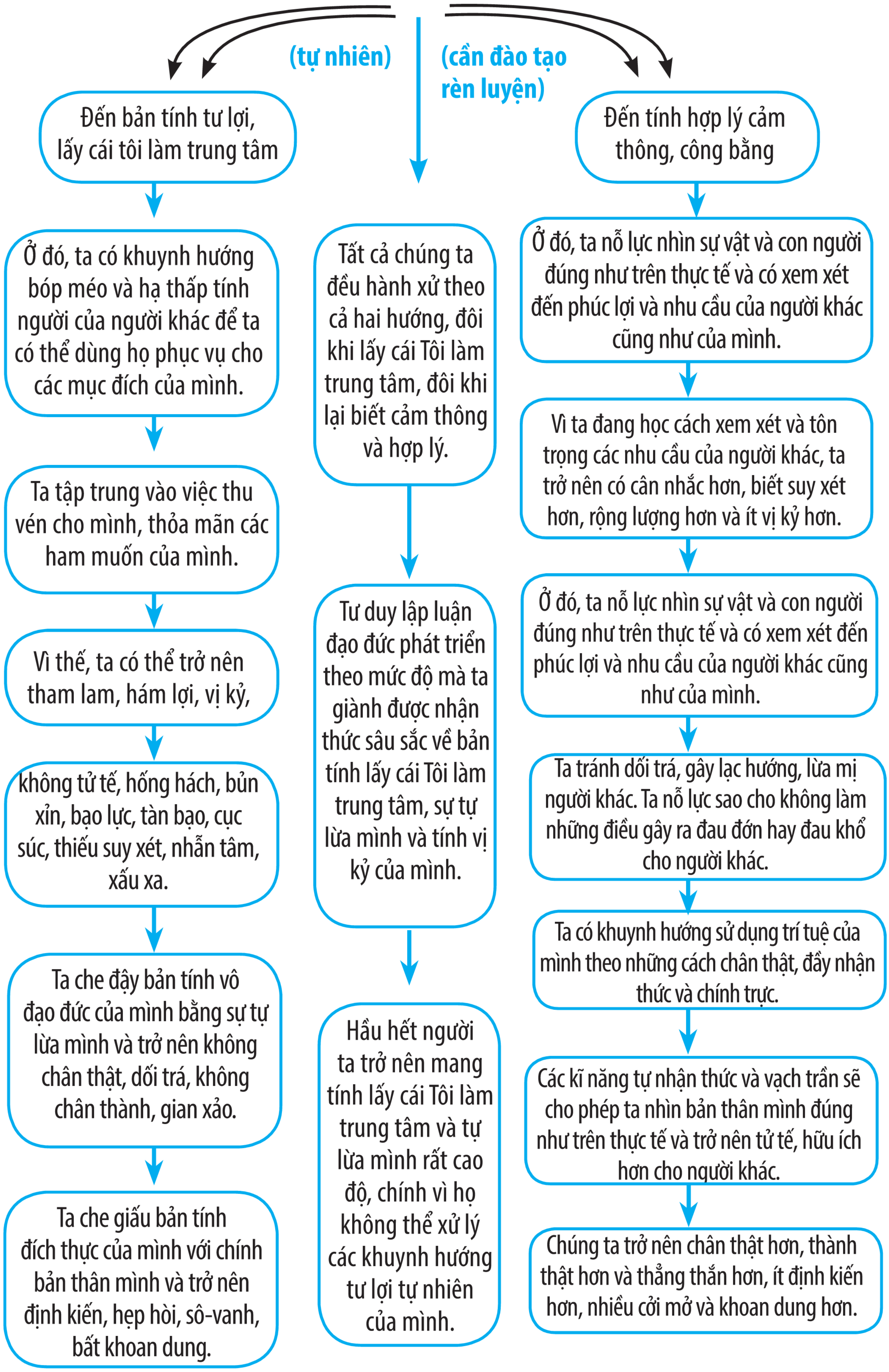

(tự nhiên)

(cần đào tạo rèn luyện)

Đến bản tính tư lợi, lấy cái tôi làm trung tâm

Ở đó, ta có khuynh hướng bóp méo và hạ thấp tính người của người khác để ta có thể dùng họ phục vụ cho các mục đích của mình.

Ta tập trung vào việc thu vén cho mình, thỏa mãn các ham muốn của mình.

Vì thế, ta có thể trở nên tham lam, hám lợi, vị kỷ,

không tử tế, hống hách, bủn xỉn, bạo lực, tàn bạo, cục súc, thiếu suy xét, nhẫn tâm, xấu xa.

Ta che đậy bản tính vô đạo đức của mình bằng sự tự lừa mình và trở nên không chân thật, dối trá, không chân thành, gian xảo.

Ta che giấu bản tính đích thực của mình với chính bản thân mình và trở nên định kiến, hẹp hòi, sô-vanh, bất khoan dung.

Tất cả chúng ta đều hành xử theo cả hai hướng, đôi khi lấy cái Tôi làm trung tâm, đôi khi lại biết cảm thông và hợp lý.

Tư duy lập luận đạo đức phát triển theo mức độ mà ta giành được nhận thức sâu sắc về bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm, sự tự lừa mình và tính vị kỷ của mình.

Hầu hết người ta trở nên mang tính lấy cái Tôi làm trung tâm và tự lừa mình rất cao độ, chính vì họ không thể xử lý các khuynh hướng tư lợi tự nhiên của mình.

Đến tính hợp lý cảm thông, công bằng

Ở đó, ta nỗ lực nhìn sự vật và con người đúng như trên thực tế và có xem xét đến phúc lợi và nhu cầu của người khác cũng như của mình.

Vì ta đang học cách xem xét và tôn trọng các nhu cầu của người khác, ta trở nên có cân nhắc hơn, biết suy xét hơn, rộng lượng hơn và ít vị kỷ hơn.

Ở đó, ta nỗ lực nhìn sự vật và con người đúng như trên thực tế và có xem xét đến phúc lợi và nhu cầu của người khác cũng như của mình.

Ta tránh dối trá, gây lạc hướng, lừa mị người khác. Ta nỗ lực sao cho không làm những điều gây ra đau đớn hay đau khổ cho người khác.

Ta có khuynh hướng sử dụng trí tuệ của mình theo những cách chân thật, đầy nhận thức và chính trực.

Các kĩ năng tự nhận thức và vạch trần sẽ cho phép ta nhìn bản thân mình đúng như trên thực tế và trở nên tử tế, hữu ích hơn cho người khác.

Chúng ta trở nên chân thật hơn, thành thật hơn và thẳng thắn hơn, ít định kiến hơn, nhiều cởi mở và khoan dung hơn.

Các chuẩn trí tuệ để đánh giá lập luận đạo đức

Lập luận đạo đức phải đáp ứng cùng các chuẩn trí tuệ giống như những chuẩn áp dụng vào các lĩnh vực nhận thức khác. Nếu lập luận của ta muốn có cơ sở vững chắc, nó phải rõ ràng, đúng đắn, chính xác, có liên quan, có chiều sâu, chiều rộng, hợp logic và không vụn vặt. Dưới đây là những mô tả ngắn về một số chuẩn trí tuệ quan trọng đi kèm với các câu hỏi ta có thể đặt ra khi áp dụng các chuẩn này:

Sự Rõ ràng: có thể hiểu được, có thể nắm bắt được nghĩa (Ta không thể đồng ý hay không đồng ý gì được với lập luận đạo đức không rõ ràng với ta).

- Lập luận đạo đức của ta rõ ràng như thế nào?
- Ta có cần làm rõ mục đích của mình không?
- Ta có rõ ràng về những khái niệm đạo đức đang được ta sử dụng trong lập luận?
- Ta có cần khảo sát thêm ý nào nữa không?
- Ta có cần đưa ra ví dụ sâu hơn không?
- Ta có cần đưa thêm những sự tương tự hay minh họa để làm rõ hơn không?

Sự Đúng đắn: không có lỗi sai hay sự xuyên tạc, đúng (Nếu lập luận đạo đức chứa đựng những thông tin không đúng, nó sẽ sai).

- Lập luận đạo đức của ta đúng ra sao?
- Có bất kỳ đặc điểm nào của tình huống bị diễn giải sai hay bị bóp méo không?
- Ta có cần đưa ra thông tin đầy đủ không?
- Liệu ta có thể nói một cách đúng đắn rằng ta đang sử dụng những nguyên tắc đạo đức để dẫn dắt lập luận của mình chứ

không sử dụng các chỉ thị về mặt xã hội, tôn giáo hay pháp luật không?

Sự Chính xác: chính xác tới từng chi tiết. (Ta thường không thể lập luận xuyên suốt các vấn đề đạo đức nếu thiếu các chi tiết và thông tin cụ thể).

- Lập luận của ta có thiếu các chi tiết và thông tin cụ thể mang tính cốt lõi không?
- Ta có cần thêm chi tiết nào nữa không?
- Ta có cần chi tiết hơn trong vấn đề này để bao quát hết được vấn đề đạo đức đó không?

Tính Liên quan: có liên quan đến vấn đề đang đề cập. (Lập luận đạo đức sẽ bị bóp méo nếu nó sử dụng các khái niệm hay các sự kiện không liên quan).

- Có bất kỳ điều gì trong những điều gì đang nói mà không liên quan với những vấn đề đạo đức then chốt mà ta cần xem xét không?
- Ta có cần thêm vào những khái niệm hay nguyên tắc đạo đức nữa không?
- Những góc nhìn nào có liên quan với vấn đề đạo đức này?
- Ta có chắc những thông tin này là có liên quan với câu hỏi đạo đức này không?
- Bình luận này hay bình luận kia tác động như thế nào đến vấn đề đạo đức này?

Chiều Sâu: chưa đựng những tính phức hợp và nhiều mối quan hệ qua lại đa dạng. (Lập luận hời hợt, bề mặt không đề cập được những tính phức hợp trong một vấn đề đạo đức là một lập luận sai).

- Ta có đề cập đến tình huống đạo đức này và đặt ra câu hỏi đạo đức theo một cách sao cho nói lên được những tính phức hợp trong vấn đề hay ta đang đơn giản hóa quá mức tình huống đó?

- Những nhân tố nào khiến điều này trở thành một vấn đề đạo đức khó?
- Đâu là một số tính phức hợp trong câu hỏi đạo đức này?
- Đâu là một số khó khăn ta phải đối mặt trong việc lập luận xuyên suốt nó?

Chiều Rộng: chứa đựng nhiều quan điểm đa dạng (Lập luận đạo đức sẽ là sai khi nhà lập luận làm ngơ những góc nhìn có liên quan).

- Ta đã xem xét hết mọi góc nhìn có liên quan chưa hay ta đã bỏ qua một góc nhìn phù hợp với câu hỏi đạo đức này?
- Ta phải xem xét thêm những góc nhìn nào khác để nói lên hết được vấn đề đạo đức này?
- Ta có cần nhìn vấn đề đạo đức này theo những cách khác không?

Tính Lô gic: các bộ phận hoàn toàn có nghĩa, phi mâu thuẫn. (Con người thường tư duy theo những cách tự mâu thuẫn, sử dụng các chuẩn nước đôi. Nếu ta bền bỉ các chuẩn đạo đức thì ta cần cả lòng chính trực và tính logic).

- Ta có đang lập luận nhất quán không?
- Lập luận của ta có tự mâu thuẫn không?
- Các kết luận của ta có nảy sinh từ bằng chứng không?
- Điều gì có thể sẽ xảy ra nếu ta hành động dựa trên vấn đề đạo đức theo cách này hoặc cách kia?
- Đây có phải là cách logic nhất để nhìn vấn đề đạo đức này không?

Ý nghĩa: tập trung vào cái quan trọng, chứ không tập trung vào cái vụn vặt. (Lập luận để hỗ trợ cho các lợi ích tư lợi thường xem xét những vấn đề tương đối không quan trọng như có tầm quan trọng cao, trong khi lại làm ngơ những vấn đề thực sự có ý nghĩa).

- Ta có đang tập trung vào những kích thước đạo đức có ý nghĩa nhất của vấn đề không?
- Ta có tầm thường hóa những cái có ý nghĩa đạo đức hay phóng đại tầm ý nghĩa của những thứ lẽ ra không cần quan tâm nhiều không?
- Những khái niệm và nguyên tắc đạo đức nào có liên quan một cách quan trọng nhất đối với vấn đề?
- Trong những sự kiện này, đâu là những sự kiện phải được xem là có sức nặng nhất?

Công bằng: chính đáng, không tư lợi hay phiến diện. (Bản tính lấy bản ngã làm trung tâm và lợi ích vị kỷ dẫn đến sự tự lừa mình là hai rào cản lớn nhất trong những rào cản cho việc lập luận đạo đức có cơ sở vững chắc).

- Ta có đang xử lý mọi góc nhìn có liên quan một cách nhất quán không?
- Ta có trình bày đúng đắn và công bằng cho những lập trường bất đồng với ta không?
- Ta có lợi ích tư lợi nào khiến ta bóp méo các góc nhìn thay thế khác không?
- Ta đã kiểm tra xem tư duy mình có định kiến hay không chưa?

Các năng lực lập luận đạo đức

Những Kích thước Cảm xúc Đạo đức

- Tư duy và phán đoán đạo đức một cách độc lập.
- Phát triển nhận thức về bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm.
- Thực hiện tính hỗ tương đạo đức.
- Khảo sát những tư tưởng nằm bên dưới các phản ứng đạo đức.
- Treo lửng phán đoán đạo đức.

Những Kích thước Nhận thức – Các Đại Năng lực Đạo đức

- Tránh những sự đơn giản quá mức các vấn đề đạo đức.
- Phát triển góc nhìn đạo đức của mình.
- Làm rõ các vấn đề và các yêu sách đạo đức.
- Làm rõ các ý niệm đạo đức.
- Phát triển các tiêu chí đánh giá đạo đức.
- Đánh giá các quyền uy đạo đức.
- Nêu ra và theo đuổi những câu hỏi đạo đức căn nguyên.
- Phân tích hoặc đánh giá các lập luận đạo đức.
- Đưa ra hay đánh giá các giải pháp cho các vấn đề đạo đức.
- Nhận diện và làm rõ các góc nhìn đạo đức.
- Tham gia bàn luận đối thoại kiểu Socrates về các vấn đề đạo đức.
- Thực hành tư duy biện chứng về các vấn đề đạo đức.
- Những Kích thước Nhận thức - Các Tiểu Kĩ năng Đạo đức.
- Phân biệt các sự kiện với các nguyên tắc, giá trị và ý niệm đạo đức.

- Sử dụng từ vựng phê phán trong việc bàn thảo các vấn đề đạo đức.
- Phân biệt các nguyên tắc hay các ý niệm đạo đức.
- Kiểm tra những giả định đạo đức.
- Phân biệt những sự kiện đạo đức có liên quan với những sự kiện đạo đức không liên quan.
- Đưa ra các suy luận đạo đức hợp lý.
- Đưa ra bằng chứng cho một kết luận đạo đức.
- Nhận ra các mâu thuẫn đạo đức.
- Nhận ra các hàm ý và hệ quả đạo đức.
- Định nghĩa lại những sự khái quát hóa đạo đức.

Các đặc trưng đạo đức cốt lõi

Khiêm tốn Trí tuệ

Khiêm tốn trí tuệ là việc có ý thức về những ranh giới trong nhận thức của mình, gồm cả việc có sự nhạy cảm trước những tình huống trong đó bản tính tự nhiên lấy cái Tôi làm trung tâm của ta có vẻ đang phỉnh phờ ta; nhạy cảm trước sự thiên lệch, định kiến và những giới hạn trong góc nhìn của mình. Khiêm tốn trí tuệ phụ thuộc vào việc nhận ra rằng ta không nên phát biểu nhiều hơn những gì ta thực sự biết. Khiêm tốn trí tuệ không phải là nhu nhược hay phục tùng. Khiêm tốn trí tuệ là việc không có sự tự phụ, khoác lác hay ngạo mạn về mặt trí tuệ, cùng với việc có một nhận thức về những nền tảng lô gic, hay về việc thiếu những nền tảng ấy, trong những niềm tin của ta.

Cam đảm Trí tuệ

Can đảm trí tuệ là việc sẵn lòng đối mặt và đánh giá một cách công bằng những ý niệm/ ý tưởng, niềm tin hay những quan điểm đạo đức khiến ta có những cảm xúc rất tiêu cực. Lòng can đảm này nảy sinh từ việc nhận ra rằng những ý niệm/ ý tưởng được xem là nguy hiểm hay phi lý có đôi khi lại được biện minh (toàn bộ hay một phần) một cách hợp lý, và những kết luận hay niềm tin đạo đức được khắc sâu trong chúng ta có đôi khi lại là sai lầm và khiến ta lầm lạc.

Cảm thông Trí tuệ

Cảm thông trí tuệ là việc có ý thức về sự cần thiết phải tưởng tượng đặt mình vào vị trí của người khác để thật sự hiểu họ, điều này đòi hỏi ta phải có ý thức về khuynh hướng lấy cái Tôi làm trung tâm của ta khi nhìn nhận sự thật bằng những nhận thức trực tiếp về tư tưởng hay niềm tin lâu đời của mình. Đặc trưng này có liên quan đến năng lực tái tạo một cách chính xác những điểm nhìn và lập luận đạo đức của người khác và lập luận từ những tiền đề, giả định và ý niệm đạo đức của người khác hơn là của chính mình. Đặc trưng này cũng liên quan đến việc sẵn sàng nhớ lại những lần ta đã sai đạo đức trong quá khứ, cho dù ta luôn có xác tín rất mạnh rằng ta đúng, và có liên quan đến năng lực hình dung mình có thể bị lừa giống như lúc trước ngay trong trường hợp hiện nay.

Chính trực Trí tuệ

Chính trực trí tuệ là việc nhận ra sự cần thiết phải chân thật với chính tư duy đạo đức của mình; phải nhất quán với những chuẩn đạo đức mà ta đang áp dụng; phải giữ cho mình những chuẩn mực nghiêm ngặt như nhau về bằng chứng và chứng minh mà ta đưa ra cho những người phản đối mình; phải thực hiện những gì ta tán thành về mặt đạo đức cho những người khác; và phải thực lòng thừa nhận những sự không thống nhất và những sự thiếu nhất quán về mặt đạo đức trong tư tưởng và hành động của mình.

Bền bỉ Trí tuệ

Bền bỉ trí tuệ là việc có ý thức về sự cần thiết phải theo đuổi những nhận thức và chân lý đạo đức, bất chấp những khó khăn, trở ngại và thất vọng; bám chắc vào những nguyên tắc đạo đức bất chấp sự đối lập phi lý của người khác; có ý thức về sự cần thiết phải tranh đấu với sự lẫn lộn và những câu hỏi không vững chắc trong một thời gian dài để đạt được hiểu biết hay nhận thức đạo đức sâu hơn.

Công bằng

Công bằng là việc có ý thức về sự cần thiết phải đối xử cảm thông như nhau đối với mọi góc nhìn đạo đức và đánh giá chúng bằng cùng các chuẩn trí tuệ giống nhau, mà không viện đến những tình cảm hay lợi ích cá nhân của mình, hay những tình cảm hay lợi ích cá nhân của bạn bè, cộng đồng hay quốc gia mình. Công bằng hàm ý việc tuân theo những chuẩn đạo đức mà không viện đến lợi thế riêng của mình hay nhóm của mình.

Kết luận

Trong cẩm nang nay, với khả năng của mình, chúng tôi đã trình bày các nền tảng cho lập luận đạo đức. Những nền tảng này không mấy khó hiểu. Cái khó là ở mối tương tác qua lại giữa các cá nhân mang bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm với các nhóm mang bản tính lấy xã hội trung tâm. Mối tương tác qua lại này điển hình thường nảy sinh trong việc các cá nhân nhập tâm các niềm tin của nhóm. Ý hệ xã hội sau đó sẽ được xem như chân lý. Các cá nhân sẽ không có khả năng tư duy vượt ra khỏi các niềm tin của xã hội và văn hóa mình. Các khái niệm đạo đức sẽ bị lẫn lộn vô phương cứu chữa với các khái niệm thần học, ý hệ và pháp lý. Sự lẫn lộn này thường khiến người ta không làm những điều đúng đạo đức.

Nếu nhận ra vấn đề phổ quát và logic cơ bản này của đạo đức học, ta sẽ có thể phát triển chất lượng lập luận đạo đức của mình. Nghĩa là, nếu ta chọn lựa, ta có thể học cách nhận ra khi nào ta đang hành động để gia tăng phúc lợi của người khác và khi nào ta hành động để làm hại họ.

Để làm được điều đó, ta phải thực hiện những việc sau:

1. **Học cách nhận ra sự khác nhau giữa lập luận đạo đức và các lập luận giả-đạo đức:** tư duy tôn giáo (dựa trên thần học), tư duy theo qui ước (dựa trên lối sống và cấm kị xã hội), tư duy chính trị (dựa trên ý hệ) và tư duy pháp lý (dựa trên các qui trình chính trị và áp lực xã hội).
2. Học cách phân tích lập luận đạo đức thành tám thành tố cấu trúc: mục đích, câu hỏi, thông tin, suy luận, khái niệm, giả định, hệ quả và góc nhìn.

3. Học cách đánh giá lập luận đạo đức cho tính rõ ràng, sự đúng đắn, sự chính xác, chiều sâu, chiều rộng, tính logic và ý nghĩa của nó.
4. Học cách phân biệt các vấn đề đạo đức đơn giản với các vấn đề đạo đức phức hợp.
5. Học cách sử dụng các thuật ngữ đạo đức một cách cẩn trọng và chính xác.
6. Phát triển các năng lực lập luận đạo đức.
7. Phát triển các đặc trưng đạo đức.

Nói khác đi, việc phát triển trở thành một nhà tư duy đạo đức có nhận thức sâu sắc đòi hỏi thời gian và thực hành. Đó là một phần tích hợp trong việc trở thành một con người có giáo dục và một nhà tư duy phản biện. Qua cẩm nang nhỏ này, chúng tôi đã nỗ lực trình bày rõ các nền tảng của lập luận đạo đức và qua đó là các thành tố cốt lõi cho sự phát triển đạo đức của con người. Những nền tảng này sẽ cho phép một người nhận ra rằng lập luận đạo đức không phải là một bí ẩn. Chúng sẽ mang đạo đức học xuống với cõi đời thường, đến với năng lực cơ bản của ta trong việc nhận ra những gì gây hại và những gì gia tăng phúc lợi của mọi sinh vật có nhận thức.

Tuyên ngôn
Phổ quát về Nhân quyền

LỜI NÓI ĐẦU

Vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, Đại hội đồng Liên hiệp Quốc đã phê chuẩn và công bố bản Tuyên ngôn Phổ quát về Nhân quyền mà toàn văn sẽ được thể hiện dưới đây:

Với nhận thức rằng việc thừa nhận phẩm giá vốn có, các quyền bình đẳng và không thể tách rời của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là cơ sở cho tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới;

Sự coi thường và xâm phạm các quyền con người đã dẫn đến những hành động tàn bạo xúc phạm tới lương tâm nhân loại, và việc xây dựng một thế giới trong đó con người được tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, không còn phải chịu nỗi sợ hãi và nghèo khổ cùng cực, được coi là khát vọng cao nhất của loài người,

Điều cốt yếu là quyền con người cần phải được pháp luật bảo vệ để con người không buộc phải nổi dậy như là một biện pháp cuối cùng nhằm chống lại sự độc tài và áp bức.

Việc thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc là rất cần thiết.

Các dân tộc thuộc Liên hiệp quốc đã tái khẳng định trong Hiến chương niềm tin vào các quyền cơ bản của con người, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, vào các quyền bình đẳng giữa nam và nữ, và đã bày tỏ quyết tâm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội cũng như xây dựng các điều kiện sống tốt hơn, với sự tự do rộng rãi hơn;

Các quốc gia thành viên đã cam kết, cùng với Liên hiệp quốc, phấn đấu thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ chung các quyền và tự do cơ bản của con người;

Sự nhận thức thống nhất về các quyền và tự do kể trên là yếu tố quan trọng nhất để thực hiện đầy đủ cam kết này.

Do đó, Đại hội đồng Liên hiệp quốc công bố,

BẢN TUYÊN NGÔN PHỔ QUÁT VỀ NHÂN QUYỀN này là thước đo chung về thành tựu cho tất cả các quốc gia và các dân tộc, để đến cuối cùng mọi cá nhân và tổ chức xã hội, trên cơ sở luôn ghi nhớ bản Tuyên ngôn này, sẽ phấn đấu thúc đẩy sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người thông qua truyền bá và giáo dục; cũng như thúc đẩy sự thừa nhận và tuân thủ chung và hữu hiệu các quyền đó không chỉ với người dân nước mình mà với cả các dân tộc ở các lãnh thổ thuộc quyền quản thác của nước mình.

Điều 1.

Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền. Mọi người đều được tạo hóa ban cho lý trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em.

Điều 2.

Mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay các địa vị khác. Ngoài ra, không có bất cứ sự phân biệt nào với một người mà dựa trên địa vị chính trị, pháp lý hoặc quốc tế của quốc gia hoặc lãnh thổ mà người đó xuất thân, dù đó là lãnh thổ độc lập, ủy trị, quản thác, chưa được tự quản hay đang phải chịu bất kỳ hạn chế nào khác về chủ quyền.

Điều 3.

Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân.

Điều 4.

Không ai bị bắt làm nô lệ hoặc bị cưỡng bức làm việc như nô lệ; mọi hình thức nô lệ và buôn bán nô lệ đều bị cấm.

Điều 5.

Không ai bị tra tấn hay bị đối xử, xử phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm.

Điều 6.

Mọi người đều có quyền được công nhận tư cách là con người trước pháp luật ở mọi nơi.

Điều 7.

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt nào. Mọi người đều có quyền được bảo vệ một cách bình đẳng chống lại bất kỳ sự phân biệt đối xử nào vi phạm bản Tuyên ngôn này, và chống lại bất kỳ sự kích động phân biệt đối xử nào như vậy.

Điều 8.

Mọi người đều có quyền được các tòa án quốc gia có thẩm quyền bảo vệ bằng các biện pháp hữu hiệu để chống lại những hành vi vi phạm các quyền cơ bản của họ mà đã được hiến pháp hay luật pháp quy định.

Điều 9.

Không ai bị bắt, giam giữ hay lưu đày một cách tùy tiện.

Điều 10.

Mọi người đều bình đẳng về quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập và khách quan để xác định các quyền và nghĩa vụ của họ, cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ.

Điều 11.

(1) Mọi người bị cáo buộc về hình sự đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo pháp luật, tại một phiên toà xét xử công khai, nơi người đó được bảo đảm những điều kiện cần thiết để bào chữa cho mình.

(2) Không ai bị cáo buộc là phạm tội vì bất cứ hành vi hoặc sự tắc trách nào vốn không cấu thành một phạm tội hình sự theo pháp luật quốc gia hay pháp luật quốc tế vào thời điểm thực hiện hành vi hay có sự tắc trách đó. Cũng không ai bị tuyên phạt nặng hơn mức hình phạt được quy định vào thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện.

Điều 12.

Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy.

Điều 13.

(1) Mọi người đều có quyền tự do đi lại và tự do cư trú trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia.

(2) Mọi người đều có quyền rời khỏi bất kỳ nước nào, kể cả nước mình, cũng như có quyền trở về nước mình.

Điều 14.

(1) Mọi người đều có quyền tìm kiếm và được lánh nạn ở nước khác khi bị ngược đãi.

(2) Quyền này không được áp dụng trong trường hợp đương sự bị truy tố về những tội phạm không mang tính chất chính trị hay vì những hành vi đi ngược lại với những mục tiêu và nguyên tắc của Liên hiệp quốc.

Điều 15.

(1) Mọi người đều có quyền có quốc tịch của một nước nào đó.

(2) Không ai bị tùy tiện tước quốc tịch hoặc bị khước từ quyền được đổi quốc tịch.

Điều 16.

(1) Nam và nữ khi đủ tuổi đều có quyền kết hôn và xây dựng gia đình mà không có bất kỳ sự hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Nam và nữ có quyền bình đẳng trong việc kết hôn, trong thời gian chung sống và khi ly hôn.

(2) Việc kết hôn chỉ được tiến hành với sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai.

(3) Gia đình là tế bào tự nhiên và cơ bản của xã hội, được nhà nước và xã hội bảo vệ.

Điều 17.

(1) Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản của riêng mình hoặc tài sản sở hữu chung với người khác.

(2) Không ai bị tước đoạt tài sản một cách tùy tiện.

Điều 18.

Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo, kể cả tự do thay đổi tín ngưỡng hoặc tôn giáo của mình, và tự do bày tỏ tín ngưỡng hay tôn giáo của mình bằng các hình thức như truyền giảng, thực hành, thờ cúng và tuân thủ các nghi lễ, dưới hình thức cá nhân hay tập thể, tại nơi công cộng hoặc nơi riêng tư.

Điều 19.

Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến; kể cả tự do bảo lưu quan điểm mà không bị can thiệp; cũng như tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá các ý tưởng và thông tin bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào, và không có giới hạn về biên giới.

Điều 20.

(1) Mọi người đều có quyền tự do hội họp và lập hội một cách hòa bình.

(2) Không ai bị ép buộc phải tham gia vào bất cứ hiệp hội nào.

Điều 21.

(1) Mọi người đều có quyền tham gia quản lý đất nước mình, một cách trực tiếp hoặc thông qua các đại diện mà họ được tự do lựa chọn.

(2) Mọi người đều có quyền được tiếp cận các dịch vụ công cộng ở nước mình một cách bình đẳng.

(3) Ý chí của nhân dân phải là cơ sở tạo nên quyền lực của chính quyền; ý chí đó phải được thể hiện qua các cuộc bầu cử định kỳ và chân thực, được tổ chức theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín, hoặc bằng

những thủ tục bầu cử tự do tương tự.

Với tư cách là một thành viên của xã hội, mọi người đều có quyền được hưởng an sinh xã hội cũng như được hưởng các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá không thể thiếu để bảo đảm nhân phẩm và tự do phát triển về nhân cách, thông qua những nỗ lực quốc gia và sự hợp tác quốc tế; phù hợp với hệ thống tổ chức và nguồn lực của mỗi quốc gia.

Điều 23.

(1) Mọi người đều có quyền làm việc, quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, được hưởng những điều kiện làm việc công bằng, thuận lợi và được bảo vệ chống lại nạn thất nghiệp.

(2) Mọi người đều có quyền được trả công ngang nhau cho những công việc như nhau mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.

(3) Mọi người lao động đều có quyền được hưởng chế độ thù lao công bằng và hợp lý nhằm bảo đảm sự tồn tại của bản thân và gia đình xứng đáng với giá trị, và được trợ cấp khi cần thiết bằng các biện pháp bảo trợ xã hội.

(4) Mọi người đều có quyền thành lập hoặc gia nhập công đoàn để bảo vệ các quyền lợi của mình.

Điều 24.

Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi và thư giãn, kể cả quyền được giới hạn hợp lý số giờ làm việc và được hưởng những ngày nghỉ định kỳ có hưởng lương.

Điều 25.

(1) Mọi người đều có quyền được hưởng một mức sống thích đáng, đủ để đảm bảo sức khoẻ và phúc lợi của bản thân và gia đình, về các khía cạnh ăn, mặc, ở, chăm sóc y tế

và các dịch vụ xã hội cần thiết, cũng như có quyền được bảo hiểm trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tàn phế, góa bụa, già nua hoặc thiếu phương tiện sinh sống do những hoàn cảnh khách quan vượt quá khả năng đối phó của họ.

(2) Các bà mẹ và trẻ em có quyền được hưởng sự chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt. Mọi trẻ em, dù sinh ra trong hay ngoài giá thú, đều phải được hưởng sự bảo trợ xã hội như nhau.

Điều 26.

(1) Mọi người đều có quyền được học tập. Giáo dục phải miễn phí, ít nhất là ở các bậc tiểu học và trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học phải là bắt buộc. Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề phải mang tính phổ thông và giáo dục đại học hay cao hơn phải theo nguyên tắc công bằng cho bất cứ ai có khả năng.

(2) Giáo dục phải nhằm giúp con người phát triển đầy đủ về nhân cách và thúc đẩy sự tôn trọng với các quyền và tự do cơ bản của con người. Giáo dục cũng phải nhằm tăng cường sự hiểu biết, lòng khoan dung và tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc, các nhóm chủng tộc hoặc tôn giáo, cũng như phải nhằm đẩy mạnh các hoạt động của Liên hiệp quốc về duy trì hòa bình.

(3) Cha mẹ có quyền ưu tiên lựa chọn các hình thức giáo dục cho con cái họ.

Điều 27.

(1) Mọi người có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, được thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ những tiến bộ khoa học cũng như những lợi ích xuất phát từ những tiến bộ khoa học.

(2) Mọi người đều có quyền được bảo vệ các quyền lợi vật chất và tinh thần phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn

học hay nghệ thuật nào mà người đó là tác giả.

Điều 28.

Mọi người đều có quyền được hưởng một trật tự xã hội và quốc tế mà trong đó các quyền và tự do cơ bản nêu trong bản Tuyên ngôn này có thể được thực hiện một cách đầy đủ.

Điều 29.

(1) Mọi người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng là nơi duy nhất mà ở đó nhân cách của bản thân họ có thể phát triển tự do và đầy đủ.

(2) Khi hưởng thụ các quyền và tự do của mình, mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định, nhằm mục đích bảo đảm sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các quyền và tự do của người khác, cũng như nhằm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

(3) Trong mọi trường hợp, việc thực hiện các quyền tự do này cũng không được trái với các mục tiêu và nguyên tắc của Liên hiệp quốc.

Điều 30.

Không được diễn giải bất kỳ điều khoản nào trong bản Tuyên ngôn này theo hướng ngầm ý cho phép bất kỳ quốc gia, nhóm người hoặc cá nhân nào được quyền tham gia vào bất cứ hoạt động hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm mục đích phá hoại bất kỳ quyền hoặc tự do nào nêu trong bản Tuyên ngôn này.

THINKER'S GUIDE LIBRARY

TỦ SÁCH CẨM NANG TƯ DUY

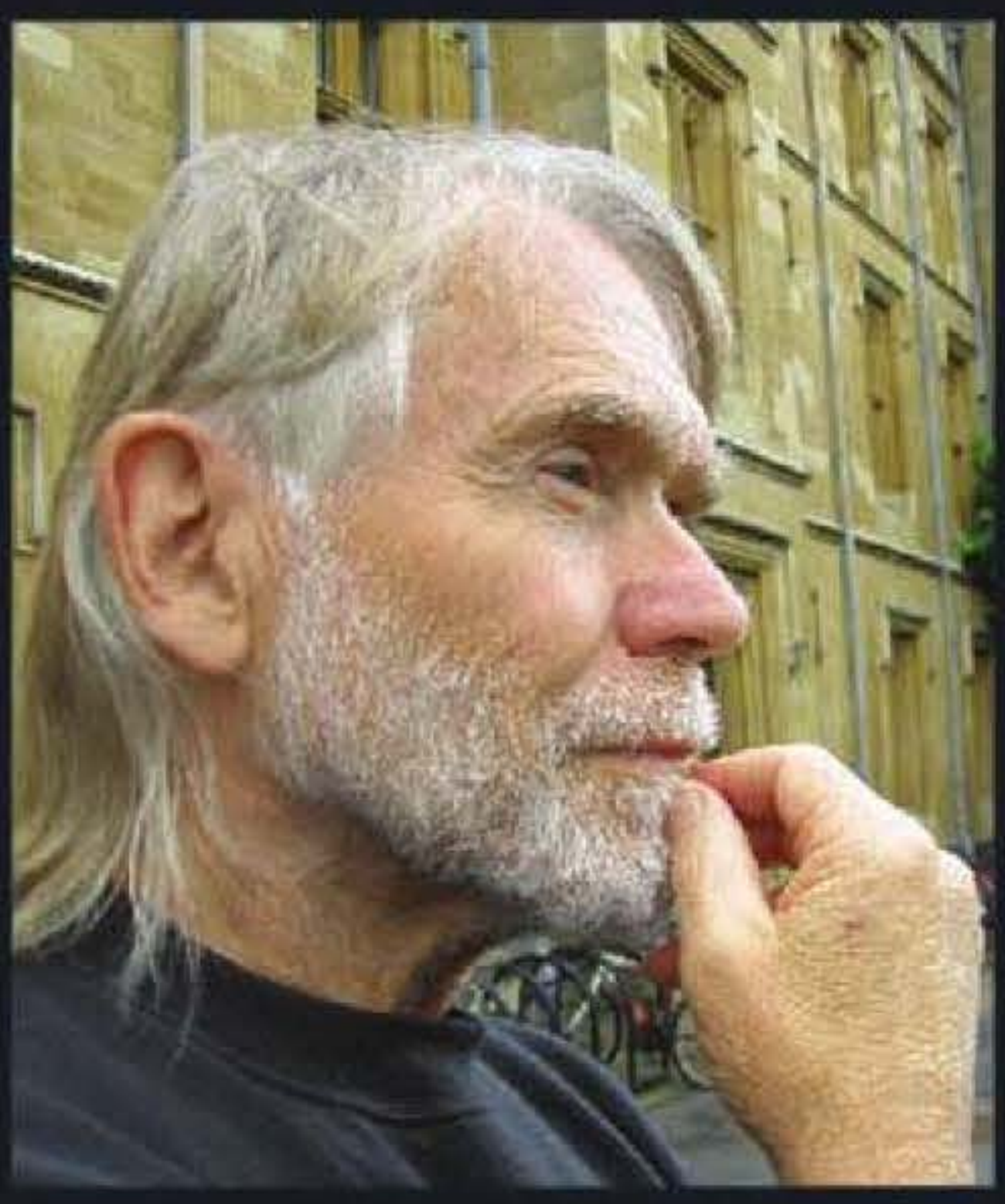

Tiến sĩ Richard Paul là người lãnh đạo chính của phong trào tư duy phản biện quốc tế. Ông là Giám đốc Nghiên cứu của Trung tâm Tư duy Phản biện, Chủ tịch Hội đồng Quốc gia về sự Ưu việt trong Tư duy Phản biện; là tác giả của hơn 200 bài báo và 7 quyển sách về tư duy phản biện. Tiến sĩ Paul đã tổ chức hàng trăm hội thảo về tư duy phản biện và tham gia vào loạt phim 8 tập về tư duy phản biện cho chương trình PBS. Những quan điểm của ông về tư duy phản biện đã được thảo luận trên *New York Times, Education Week, The Chronicle of Higher Education, American Teacher, Educational Leadership, Newsweek, U.S. News and World Report* và *Reader Digest*.

Tiến sĩ Linda Elder là một nhà tâm lý học giáo dục đang dạy tâm lý học và tư duy phản biện ở đại học. Bà là Chủ tịch Quĩ Tư duy Phản biện (Foundation for Critical Thinking) và là Giám đốc Điều hành của Trung tâm Tư duy Phản biện. Tiến sĩ Elder đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ giữa tư tưởng và cảm xúc, nhận thức và tình cảm. Bà đã phát triển một lý thuyết độc đáo về các giai đoạn phát triển của tư duy phản biện. Bà là đồng tác giả của 4 quyển sách về tư duy phản biện, cũng như 24 quyển sách cẩm nang tư duy. Bà còn là một nhà thuyết trình năng động, nhiều kinh nghiệm trong các buổi hội thảo về tư duy phản biện.

ISBN: 978-604-58-5661-1

Giá: **30.000** đồng

www.sachweb.vn